

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**NGUYỄN THỊ HẢI YẾN**

**TÍN DỤNG NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI  
HỘ SẢN XUẤT CÀ PHÊ TỈNH ĐẮK LẮK**

**CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP**  
**MÃ SỐ: 62.62.01.15**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**  
**PGS.TS PHAN THỊ MINH LÝ**

**HUẾ - NĂM 2016**

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Kinh tế Huế

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Phan Thị Minh Lý

Phản biện 1:.....

Phản biện 2: .....

Phản biện 3: .....

Luận án được bảo vệ tại hội đồng chấm luận án cấp Đại học Huế tại:

.....

Vào hồi.....ngày tháng năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:



# PHẦN I ĐẶT VẤN ĐỀ

## 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời gian qua, cây cà phê đã thực sự tạo ra hiệu quả kinh tế, xã hội quan trọng và to lớn cho người dân Đắk Lắk. Trên địa bàn tỉnh, tổ chức sản xuất cà phê chủ yếu là các hộ, hơn 85% diện tích cà phê là của người dân tự trồng và quản lý với tổng số hộ sản xuất cà phê là 227.490 hộ sản xuất cà phê [40], [41]. Gắn bó với cây cà phê, đời sống của các hộ được nâng lên đáng kể, tuy nhiên, với cơ sở hạ tầng và trình độ phát triển kinh tế yếu kém đã làm cho hộ sản xuất đã khó khăn lại càng khó khăn hơn, đặc biệt là các yếu tố nguồn lực, trong đó vốn tín dụng để phát triển cà phê quy mô hộ. Vốn tín dụng được xem như là một công cụ mạnh để giúp các hộ sản xuất thoát khỏi nghèo đói, đóng vai trò quan trọng trong việc tăng năng suất nông nghiệp thông qua việc đầu tư vào tư liệu sản xuất (Amha, 2000) [49], đồng thời cho phép các hộ nông dân đầu tư vào cải tiến kỹ thuật và áp dụng công nghệ mới trong nông nghiệp làm tăng hiệu quả và thu nhập của họ (Zeller & Sharma, 2000) [64]. Tuy nhiên, việc tiếp cận và sử dụng vốn tín dụng mà đặc biệt là các nguồn vốn tín dụng ngân hàng từ phía các ngân hàng thương mại có nhiều hạn chế, đây là nguồn vốn lành mạnh, có tác dụng kích thích sản xuất phát triển. Chủ đề về tiếp cận vốn tín dụng và hiệu quả sử dụng vốn tín dụng luôn được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu và quản lý trong nước và quốc tế. Mặc dù vậy nhưng các nghiên cứu mới dừng lại ở phân tích thực trạng để đưa ra kết luận, hoặc phân tích hiệu quả kỹ thuật là chủ yếu, việc đưa ra các khuyến nghị vẫn chưa xuất phát từ phía cung và cầu. Đây là những lý do chính đáng để thực hiện nghiên cứu luận án này. Xuất phát từ yêu cầu đó, chúng tôi chọn đề tài “ *Tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê tỉnh Đắk Lắk*” làm đề tài luận án tiến sĩ.

## 2. Mục tiêu nghiên cứu

### 2.1. Mục tiêu chung

Nghiên cứu thực trạng tín dụng ngân hàng của các hộ sản xuất cà phê tỉnh Đắk Lắk và đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê tỉnh Đắk Lắk.

### 2.2. Mục tiêu cụ thể

(1) Góp phần hệ thống hoá và làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn về tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê.

(2) Đánh giá thực trạng tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê trên các góc độ tiếp cận vốn và sử dụng vốn trên khía cạnh kinh tế và xã hội.

(3) Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng và sử dụng vốn tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới

## 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

### 3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận, thực tiễn và các nhân tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận và sử dụng vốn tín dụng ngân hàng của các hộ sản xuất cà phê ở tỉnh Đắk Lắk. Đối tượng điều tra về phía người cho vay là các ngân hàng thương mại, về phía người đi vay là các hộ sản xuất cà phê vì hiện nay hơn 85% diện tích cà phê là của người dân tự trồng và quản lý với tổng số hộ sản xuất cà phê là 227.490 hộ sản xuất cà phê và 15% diện tích còn lại là do các công ty quản lý Tuy nhiên, với 26 công ty tham gia vào sản xuất cà phê, nhưng các công ty không trực tiếp sản xuất cà phê mà giao khoán cho các hộ sản xuất là cán bộ công nhân của công ty đang làm việc và đã về hưu, là các hộ sản xuất đang cư trú hợp pháp trên địa bàn công ty quản lý. Do đó, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk gần như chỉ có các hộ tham gia trực tiếp sản xuất cà phê.

### 3.2. Phạm vi nghiên cứu

- **Về nội dung nghiên cứu:** Luận án tập trung nghiên cứu cơ sở khoa học về tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê; thực trạng tiếp cận vốn tín dụng và sử dụng vốn tín dụng của các hộ sản xuất cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn và sử dụng vốn của các hộ sản xuất cà phê; đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng vốn tín dụng ngân hàng của các hộ sản xuất cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- **Về thời gian nghiên cứu:** Số liệu thứ cấp từ năm 2000 đến năm 2014; Số liệu điều tra tập trung vào năm 2014; Định hướng và giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận vốn và sử dụng vốn tín dụng của các hộ trồng cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020.

- **Về không gian nghiên cứu:** Tại tỉnh Đắk Lắk, tập trung vào 3 huyện, thành phố đại diện là: thành phố Buôn Ma Thuột, huyện CưMgar, CưKuin và Krông Pắc.

#### **4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài luận án**

##### **4.1. Ý nghĩa khoa học**

Góp phần hệ thống hoá và làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực tiễn về tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê thông qua tiếp cận vốn tín dụng và sử dụng vốn tín dụng của các hộ sản xuất cà phê. Lựa chọn cách tiếp cận, phương pháp, hệ thống chỉ tiêu đánh giá về tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê, phù hợp với điều kiện hiện nay ở Việt Nam.

##### **4.2. Ý nghĩa thực tiễn**

(1) Đánh giá thực trạng về hoạt động tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê, chỉ ra những khó khăn, bất cập trong hoạt động tín dụng đối với hộ sản xuất cà phê tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 2010 – 2014.

(2) Phân tích tình hình tiếp cận vốn tín dụng của các hộ sản xuất cà phê trên hai phía cung và cầu; xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các hộ.

(3) Đo lường hiệu quả sử dụng vốn tín dụng của các hộ sản xuất cà phê trên khía cạnh kinh tế và xã hội. Xem xét yếu tố vốn vay tác động như thế nào đến năng suất cà phê nhân của các hộ sản xuất.

(4) Đề xuất các nhóm giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng vốn tín dụng hiệu quả, đây là cơ sở khoa học để các cơ quan quản lý, ngân hàng thương mại và hộ sản xuất cà phê tham khảo, áp dụng nhằm góp phần hoàn thành chiến lược, mục tiêu phát triển ngành cà phê đến năm 2020 như đã đề ra.

## **PHẦN II**

### **TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU**

#### **1. Tình hình tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê trên thế giới**

Hầu hết các tác giả tập trung nghiên cứu về tiếp cận tín dụng và sử dụng vốn của các hộ sản xuất. Đối với khía cạnh tiếp cận vốn tín dụng, tác giả Mamo Girma et al (2015) khẳng định tiếp cận vốn tín dụng không chỉ bị chi phối bởi thu nhập và tài sản mà các yếu tố về đặc điểm kinh tế - xã hội của các chủ hộ sẽ ảnh hưởng đến việc tiếp cận vốn tín dụng [72].

Duong và Inzumida (2002) khi phân tích về tín dụng ngân hàng đối với các nông hộ, bằng phân tích hồi quy mô hình Tobit nhóm tác giả đã nghiên cứu về tiếp cận tín dụng của nông hộ ở 3 tỉnh của Việt Nam và có kết luận về các yếu tố chủ yếu tác động tới lượng tín dụng ngân hàng của nông hộ là: tổng diện tích đất canh tác, giá trị đàn gia súc và địa phương. Các yếu tố tác động đến mức tín dụng phi chính thức là: Tỷ lệ khẩu phụ thuộc, tổng diện tích đất canh tác [61].

Theo Paul Mpuga (2008), có hai yếu tố chính ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng, từ đó tác động trực tiếp đến tiếp cận tín dụng của hộ:

Thứ nhất: Đặc điểm của cá nhân và hộ gia đình

Thứ hai: Các thuộc tính của tổ chức tài chính có thể ảnh hưởng đến quyết định vay hay không vay của cá nhân hộ gia đình là mức lãi suất và các điều khoản cho vay [75].

Nghiên cứu của Ammar Siamwalla và các cộng sự (1990) khi nghiên cứu về hệ thống tín dụng nông thôn ở Thái Lan đã chỉ ra rằng muốn tăng sự tiếp cận của các hộ nông dân với tín dụng thì phải có sự can thiệp của Chính phủ. Tác giả đã kết luận rằng, khu vực cho vay phi chính thức là cạnh tranh mặc dù với lãi suất cho vay cao và qua đó phản ánh chi phí thông tin tín dụng vẫn còn cao, đây không phải là do khan hiếm các quỹ cho vay mà là phương thức và cách tiếp cận với các nguồn tín dụng ngân hàng vẫn còn khó khăn [49].

Đối với các nghiên cứu của Diagne Manfred Zeller (1999), tác giả nghiên cứu về tín dụng ngân hàng với nông hộ cũng bằng cách tiếp cận tín dụng của nông hộ tại Malawi, bằng phân tích hồi quy OLS, tác giả đã đưa ra được các yếu tố tác động tới mức độ tiếp cận tín dụng của người dân gồm giá trị đất đai, quy mô lao động, giá phân bón. Tác giả đã phân tích tác động nghịch và tác động thuận của các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tiếp cận của các nông hộ [64].

Cũng bằng mô hình định lượng, với hàm hồi quy mô hình Tobit, Duong và Inzumida (2002) đã kết luận các yếu tố chủ yếu tác động đến lượng tín dụng ngân hàng của nông hộ là: tác động thuận gồm tổng diện tích đất canh tác, giá trị đàn gia súc và địa phương, tỷ lệ khẩu phụ thuộc, số lượng xin vay. Còn tác động nghịch chính là danh tiếng của hộ. Tuy nhiên các nghiên cứu mới tập trung vào khả năng tiếp cận tín dụng của các nông hộ, gần như chưa có đề tài nào tập trung vào hiệu quả sử dụng vốn vay của các nông hộ, đây chính là khe hở trong bức tranh tổng thể về thị trường tín dụng nông thôn hiện nay [61].

Theo Mikkel Barslund và Finn Tarp (2003) đã khảo sát 932 hộ gia đình tại 4 tỉnh của Việt Nam là Long An, Quảng Nam, Hà Tây (cũ) và Phú thọ trong giai đoạn từ 1997 – 2002, để xem xét và đánh giá về thị trường tín dụng nông thôn tại Việt Nam. Kết quả bài viết cho thấy, các hộ gia đình có được nguồn vốn tín dụng thông qua 2 con đường, đó là tín dụng ngân hàng và tín dụng phi chính thức [76].

Khía cạnh hiệu quả vốn tín dụng được các tác giả đề cập đến tuy nhiên dưới khía cạnh khác, đó là hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất cà phê. Việc tăng hiệu quả kỹ thuật sẽ góp phần tăng hiệu quả kinh tế của hộ sản xuất cà phê.

Nghiên cứu của Joachim Nyemeck Binam và CS (2003) đã đề cập đến các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của các hộ nông dân sản xuất cà phê ở Cote Ivoire bằng cách sử dụng hàm hồi quy Tobit, nhóm tác giả đã chỉ ra cách thức giảm chi phí, tăng sản lượng cho các hộ sản xuất cà phê. Đồng thời khuyến cáo các chính sách liên quan đến việc thúc đẩy xây dựng các câu lạc bộ, các hiệp hội nông dân sản xuất cà phê, qua đó xây dựng năng lực cho hộ nông dân sản xuất cà phê, mặt khác khuyến khích có sự tham gia của khu vực công trong việc cung cấp thông tin và quản lý lực lượng lao động được tốt hơn [88].

Theo tác giả Amadou Nchare (2007) về phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của người sản xuất cà phê Arabica tại Cameroon, cho rằng lợi nhuận của người sản xuất cà phê ngày càng tăng bằng cách mở rộng quy mô sản xuất cà phê. Kết quả cho thấy chỉ số hiệu quả kỹ thuật được ước tính là 0,896, và 32% nông dân được khảo sát có chỉ số hiệu quả kỹ thuật dưới 0,91. Các phân tích cũng cho thấy rằng trình độ học vấn của người nông dân và tiếp cận tín dụng được hay không là các biến kinh tế xã hội quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông dân. Cuối cùng, kết quả chứng minh rằng muốn nâng suất cao hơn nữa cần cải thiện hiệu quả kỹ thuật và việc này có thể thực hiện trong sản xuất cà phê ở Cameroon [51].

Trong khi đó, Mamo Girma (2015) lại phân tích các yếu tố quyết định chính thức tham gia thị trường tín dụng nông thôn bởi các hộ gia đình ở Ethiopia cho rằng tiếp cận tín dụng nông thôn là một trong những yếu tố quan trọng cho việc chuyển đổi kinh tế nông thôn đặc biệt đối với một nền kinh tế nông nghiệp chủ yếu là tự cung tự cấp. Tác giả đề cập đến các yếu tố vi mô ảnh hưởng đến nông thôn. Kết quả ước lượng cho thấy trình độ học

vấn của chủ hộ, tham gia tích cực trên thị trường tín dụng quyết định sự thành công của hộ gia đình nông thôn [72].

Thong Quoc Ho et al. (2013) cho rằng đánh giá hiệu quả sản xuất canh tác cà phê có thể làm nổi bật yếu tố nâng cao hiệu quả kỹ thuật. Nghiên cứu đã ước lượng hiệu quả kỹ thuật của sản xuất cà phê và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của nông dân sản xuất cà phê ở huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk. Dựa trên việc sản xuất ngẫu nhiên, kết quả cho thấy yếu tố trình độ của chủ hộ, số lượng tín dụng tài chính thu được, dân tộc, kinh nghiệm canh tác cà phê của chủ hộ, và dịch vụ nông nghiệp các là yếu tố quan trọng có thể làm tăng hiệu quả kỹ thuật trong sản xuất cà phê [84].

O.L. Balogun and S.A. Yusuf, (2011) khi phân tích các yếu tố quyết định nhu cầu tín dụng trong các hộ gia đình nông thôn ở Tây Nam, Nigeria cho thấy kết quả của mô hình đa biến và yếu tố vốn xã hội trong gia đình phụ thuộc vào tiếp cận tín dụng và các biến khác (hạn mức tín dụng & lãi suất) giải thích ý nghĩa các hộ gia đình có nhu cầu về tiếp cận tín dụng. Tác giả khẳng định yếu tố vốn xã hội ảnh hưởng đáng kể việc tiếp cận tín dụng có sẵn từ các nguồn khác nhau. Vì vậy, chính sách các nhà sản xuất cần quan tâm trong việc cải thiện điều kiện sống của các hộ gia đình, và đây có thể được xem là điều kiện để thúc đẩy nguồn vốn xã hội [78].

## **2. Tình hình tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê ở Việt Nam**

Các nghiên cứu về tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất bằng cách nghiên cứu khả năng tiếp cận vốn tín dụng của các nông hộ, tác giả đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng bị giới hạn tín dụng của các nông hộ, bao gồm hiện giá tài sản, nguyên giá tài sản lưu động, trình độ học vấn và địa bàn nơi nông hộ sản xuất [14]. Thông qua việc sử dụng mô hình hồi quy OLS và mô hình Logit Trần Ai Kết (2009) đã xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng ngân hàng của trang trại nuôi trồng thủy sản ở Trà Vinh, các yếu tố tác động thuận như tuổi, trình độ học vấn của chủ trang trại, tỷ lệ diện tích mặt nước nuôi thực tế, tín dụng thương mại và thu nhập chi phí sản xuất của trang trại [18].

Bằng phân tích mô hình Heckman nhị phân, Nguyễn Quốc Oánh, Phạm Thị Mỹ Dung (2010) đã xác định các yếu tố ảnh hưởng tới tiếp cận tín dụng ngân hàng của hộ nông dân ở ngoại thành Hà Nội, tác giả đã kết luận rằng tuổi, địa vị xã hội của chủ hộ, tín dụng không chính thức, thủ tục vay vốn là những yếu tố tác động tới khả năng tiếp cận tín dụng của các hộ [24].

Bên cạnh những yếu tố nêu trên, bằng chứng thực nghiệm cũng đã chỉ ra một số yếu tố khác ảnh hưởng đến tiếp cận tín dụng của các hộ gia đình Việt Nam như cú sốc thu nhập của hộ, thành viên của các Hội. Tỷ lệ những hộ gặp phải cú sốc thu nhập trong năm có một khoản vay nhất định thường lớn hơn tỷ lệ này ở những hộ không gặp cú sốc nào. Tương tự như với các hộ có thành viên tham gia vào Hội Phụ nữ, Hội Nông dân. Điều này tương xứng với những nỗ lực không ngừng của Hội Phụ nữ trong thời gian gần đây nhằm đem lại nguồn vốn và kinh nghiệm phát triển kinh tế cho các thành viên. Nguồn tín dụng chảy về nông thôn Việt Nam hiện nay thông qua các kênh Hội, nhóm, Đoàn thể cũng khá phổ biến và được người dân ưa chuộng.

Theo Nguyễn Ngọc Tuấn (2012), trong giải pháp về tín dụng đối với hộ sản xuất cà phê tỉnh Đắk Nông cho rằng: Trong số hộ sản xuất cà phê ở Đắk Nông, có 70% hộ thiếu từ 40 - 60% số vốn đầu tư". Tác giả cũng chỉ ra rằng cầu vốn tín dụng ngân hàng của hộ sản xuất cà phê rất cao, nhưng cung vẫn đáp ứng không đủ, do đó trong sản xuất cà phê của hộ vẫn gặp nhiều khó khăn, việc vận dụng chính sách cho vay còn nhiều bất cập, áp dụng phương thức cho vay chưa đa dạng. Trong nghiên cứu này, tác giả mới chỉ tập trung nghiên cứu về phía người cho vay là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông, chưa đi sâu về phía người sử dụng vốn và xem xét vốn tác động như thế nào đến thu nhập và đời sống của các hộ trồng cà phê [35].

Từ Thái Giang (2012) nghiên cứu về phát triển cà phê bền vững cũng đề cập đến chính sách tín dụng của ngân hàng đối với sản xuất cà phê và cho rằng đối với hoạt động cho vay hộ sản xuất, thì món vay nhỏ lẻ, chi phí cao, do đó cần liên kết với các tổ chức

chính trị - xã hội để cho vay, nâng cao trách nhiệm của người vay [10].

Tương tự khi đề cập đến hộ sản xuất cà phê, tác giả Nguyễn Văn Hoá (2014) cho rằng hiện nay có 61,4% hộ sản xuất cà phê có nhu cầu vay vốn để sản xuất và tỷ lệ này đang có xu hướng gia tăng. Tuy nhiên, việc tiếp cận vốn còn gặp nhiều khó khăn như thủ tục vay phức tạp, hạn mức cho vay thấp, mất thời gian nhiều, tài sản thế chấp phải đảm bảo, chưa kể đến thái độ làm việc của nhân viên ngân hàng, gặp cò ngân hàng tốn kém nhiều chi phí. Sau khi có vốn rồi, khó khăn tiếp theo của các hộ sản xuất là việc hạch toán và sử dụng vốn vẫn chưa đem lại hiệu quả cho người dân, dẫn đến mất khả năng trả nợ cho ngân hàng [11].

Nghiên cứu của Nguyễn Văn Phấn (2008) về mở rộng tín dụng ngân hàng để phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn tỉnh Đắk Lắk có liên quan đến nhiều lĩnh vực và đối tượng. Liên quan đến hộ sản xuất cà phê, tác giả cho rằng tình hình phát triển trang trại cần tránh làm theo phong trào Bên cạnh đó, tín dụng cho nông nghiệp rủi ro lớn dễ dẫn đến nợ xấu [28].

Đánh giá về “Giải pháp tín dụng ngân hàng đối với phát triển kinh tế trang trại ở Việt Nam” Tạ Thị Lệ Yên (2003), tác giả khẳng định vốn tín dụng đóng vai trò quan trọng đến phát triển kinh tế trang trại, trong đó có các trang trại cà phê [45].

Nguyễn Thị Tầm (2006) nghiên cứu về “Giải pháp tín dụng ngân hàng nhằm phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn Tây Nguyên” đã đánh giá được vai trò quan trọng của vốn tín dụng ngân hàng với sự phát triển kinh tế trang trại, tìm ra những tồn tại, vướng mắc trong chính sách tín dụng đối với kinh tế trang trại. Bà khẳng định tín dụng ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết đất đai và nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ [29].

Trong khi đó, nghiên cứu của Nguyễn Quốc Oánh (2012) về hệ thống tín dụng nông thôn ở ngoại thành Hà Nội, đã nêu được sự khác nhau giữa hệ thống tín dụng nông thôn ở ngoại thành Hà Nội với các vùng nông thôn khác, đồng thời luận án đã chỉ ra được những nhân tố ảnh hưởng khả năng tiếp cận vốn của các tổ chức và cá nhân cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống tín dụng nông thôn ở ngoại thành Hà Nội [24].

Phạm Ngọc Dưỡng (2011) nghiên cứu về thu nhập của hộ gia đình trồng cà phê trong quá trình Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế đã xác định được các yếu tố tác động đến thu nhập của hộ gia đình trồng cà phê và lượng hoá được các yếu tố đó, gồm năng suất, trình độ kiến thức nông nghiệp, chi phí, vốn vay. Tuy nhiên tác giả lại chưa đi sâu vào phân tích và làm rõ vốn vay có ảnh hưởng cụ thể như thế nào đến thu nhập và phương thức tiếp cận với vốn có quan trọng hay không [6].

Gần đây nhất là nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương Thảo (2014) về tiếp cận tín dụng ngân hàng của hộ đồng bào dân tộc Êđê tại Đắk Lắk, trong nghiên cứu, tác giả đã chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tiếp cận vốn tín dụng đó là: tổng số thành viên trong hộ, số lao động chính, số lao động phụ thuộc, giá trị tài sản, giá trị đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu nhập, cú sốc hộ gặp phải, chức vụ xã hội và đặc điểm địa bàn hộ sinh sống. Bên cạnh đó, tác giả cũng chỉ ra những hạn chế trong việc tiếp cận tín dụng của hộ đồng bào dân tộc Êđê, bao gồm: quy định cho vay của các TCTD, lực cản xuất phát từ chính bản thân hộ như tâm lý e ngại, sợ rủi ro hay lực cản từ môi trường đó là cơ sở hạ tầng, khoảng cách địa lý từ hộ đến các TCTD, thiếu thông tin [32].

Các nghiên cứu mới chỉ tập trung ở một góc độ hộ sản xuất hoặc đứng từ phía người cho vay là các NHTM, hoặc mới chỉ tập trung trong việc tiếp cận vốn tín dụng của hộ sản xuất, gần như chưa có nghiên cứu nào phân tích việc sử dụng vốn trên khía cạnh kinh tế và xã hội, do đó việc nghiên cứu tín dụng ngân hàng trên hai khía cạnh là tiếp cận vốn tín dụng và sử dụng vốn tín dụng sẽ làm cho bức tranh về tín dụng nông thôn, đặc biệt là tín dụng cà phê được hoàn chỉnh.



**PHẦN III**  
**NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**  
**CHƯƠNG 1. CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI**  
**HỘ SẢN XUẤT**

**1.1. Cơ sở lý luận về tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất**

**1.1.1. Khái niệm về tín dụng, tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê**

*1.1.1.1. Khái niệm tín dụng*

*1.1.1.2. Khái niệm tín dụng ngân hàng*

*1.1.1.3. Khái niệm hộ sản xuất cà phê*

*1.1.1.4. Lý luận tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê*

*a. Các quan điểm của các tác giả nước ngoài*

*b. Các quan điểm của các tác giả trong nước*

*c. Quan điểm trong đề tài về tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê*

Trên cơ sở nghiên cứu các quan điểm khác nhau có liên quan đến tín dụng ngân hàng và hộ sản xuất cà phê, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, khái niệm tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê được hiểu như sau: “*Tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê là quá trình tiếp cận và sử dụng vốn tín dụng trên khía cạnh kinh tế và xã hội nhằm nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng vốn có hiệu quả cho các hộ sản xuất cà phê trong tương lai*”

**1.1.2. Đặc điểm của ngành cà phê ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê**

**1.1.3. Nội dung tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê**

**1.1.3.1. Cung ứng vốn tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê**

*(1) Nguyên tắc cho vay*

*(2) Điều kiện cho vay*

*(3) Bảo đảm an toàn cho nợ vay*

*(4) Hạn mức cho vay*

*(5) Lãi suất cho vay*

*(6) Thời hạn cho vay*

*(7) Quy trình cho vay*

**1.1.3.2. Tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của hộ sản xuất cà phê**

*(1) Khả năng tiếp cận vốn tín dụng của hộ sản xuất cà phê*

*(2) Hình thức tiếp cận vốn tín dụng của hộ sản xuất cà phê*

*(3) Phương thức tiếp cận vốn của hộ sản xuất cà phê*

**1.1.3.3. Sử dụng vốn tín dụng của hộ sản xuất cà phê**

*(1) Yếu tố kinh tế trong tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê*

*(2) Yếu tố xã hội trong tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê*

**1.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê**

*(1) Nhóm nhân tố về đặc điểm của hộ sản xuất cà phê*

*(2) Nhóm nhân tố về đặc điểm của NHTM*

*(3) Nhóm nhân tố về chính sách của Chính phủ*

*(4) Các nhân tố khác*

**CHƯƠNG 2**

**ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**2.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk**

*2.1.1. Vị trí địa lý, địa hình, khí hậu, sông ngòi*

*2.1.2. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội*

**2.2. Tiếp cận nghiên cứu và khung phân tích**

*2.2.1. Tiếp cận nghiên cứu*

Luận án được tiếp cận trên hai nội dung: 1) Tiếp cận tín dụng từ phía NHTM và hộ

sản xuất cà phê; 2) Sử dụng vốn tín dụng ngân hàng trên khía cạnh kinh tế và xã hội.

### 2.2.2. Khung phân tích tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê

## 2.3. Phương pháp nghiên cứu

### 2.3.1. Chọn điểm nghiên cứu

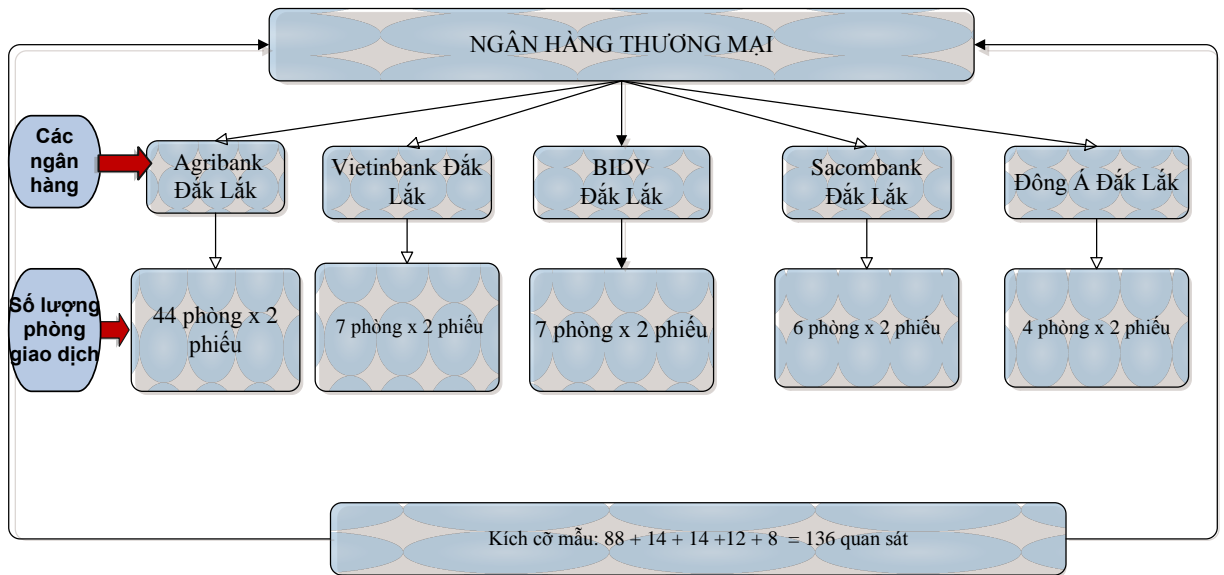
Để nghiên cứu chuyên sâu về tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê, chúng tôi chọn 3 huyện và thành phố Buôn Ma Thuột là nơi sản xuất cà phê trọng điểm của tỉnh Đắk Lắk. Tiêu chí chính để chọn điểm nghiên cứu là diện tích sản xuất cà phê và quy mô tín dụng của các NHTM trên địa bàn.

### 2.3.2. Phương pháp thu thập thông tin và số liệu

\*Thông tin và số liệu thứ cấp

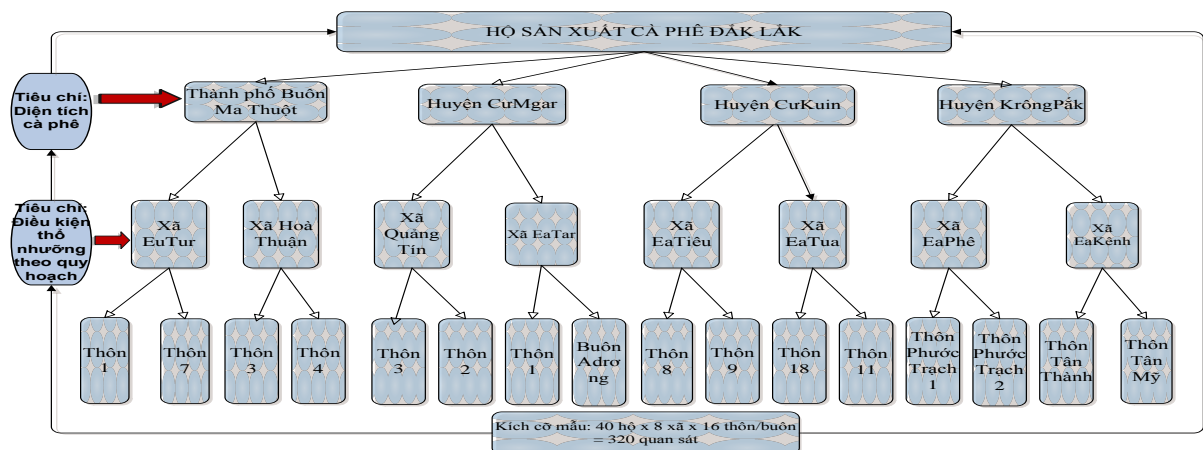
\*Đối với số liệu sơ cấp

+ Về phía các Ngân hàng thương mại



Sơ đồ 2.2: Kích cỡ mẫu điều tra NHTM tỉnh Đắk Lắk

+ Về phía hộ sản xuất cà phê



Sơ đồ 2.3: Kích cỡ mẫu điều tra hộ sản xuất cà phê tỉnh Đắk Lắk

### 2.3.3. Phương pháp tổng hợp và xử lý số liệu

### 2.3.4. Phương pháp phân tích

#### 2.3.4.1. Phương pháp thống kê kinh tế

#### 2.3.4.2. Phương pháp chuyên gia

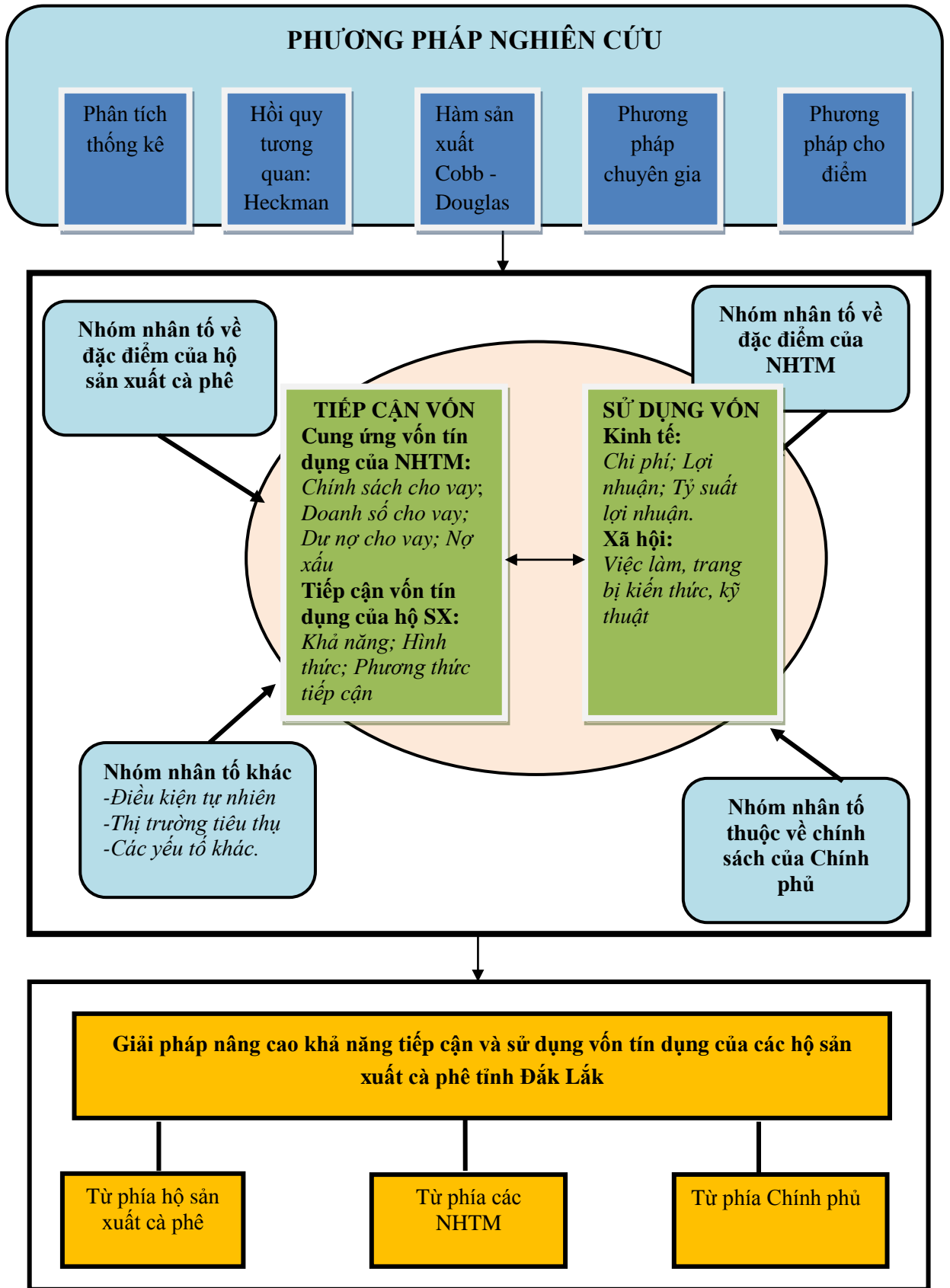
#### 2.3.4.3. Phương pháp phân tích hàm sản xuất Cobb - Douglas

#### 2.3.4.4. Mô hình Heckman

### 2.3.4.5. Phương pháp cho điểm

## 2.4. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê

Nội dung nghiên cứu	Chỉ tiêu nghiên cứu
<b>1. Tiếp cận tín dụng</b>	<b>Từ phía các NHTM:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chính sách cho vay đối với hộ sản xuất cà phê</li><li>- Dư nợ cho vay hộ sản xuất cà phê</li><li>- Doanh số cho vay hộ sản xuất cà phê</li><li>- Nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu</li><li>- Dư nợ cho vay hộ SX cà phê/tổng dư nợ cho vay</li><li>- Tốc độ tăng của dư nợ cho vay hộ SX cà phê</li></ul> <b>Từ phía hộ sản xuất:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Khả năng tiếp cận vay vốn</li><li>+ Số lượng hộ được vay vốn</li><li>+ Tỷ trọng hộ được vay/hộ sản xuất cà phê</li><li>+ Số hộ được vay/ số hộ cần vay</li><li>+ Khả năng đáp ứng nhu cầu vốn vay</li><li>+ BQ dư nợ cho vay/hạn mức cho vay</li><li>- Hình thức tiếp cận</li><li>- Phương thức tiếp cận</li></ul>
<b>2. Sử dụng vốn tín dụng</b>	<b>Về kinh tế:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vốn vay bình quân</li><li>- Lợi nhuận</li><li>- Năng suất sản phẩm</li><li>- Giá trị sản lượng</li><li>- Tỷ suất lợi nhuận/chi phí</li><li>- Mức sinh lời của vốn</li></ul> <b>Về xã hội:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Công ăn việc làm</li><li>- Kỹ năng, kiến thức</li></ul>



Sơ đồ 2.1: Khung phân tích tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê

### CHƯƠNG 3

## THỰC TRẠNG TÍN DỤNG NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI HỘ SẢN XUẤT CÀ PHÊ TỈNH ĐẮK LẮK

### 3.1. Thực trạng tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê tỉnh Đắk Lắk

#### 3.1.1. Tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng

##### 3.1.1.1. Cung ứng vốn tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê tỉnh Đắk Lắk

###### \* Tình hình cho vay hộ sản xuất cà phê

Sacombank Dak Lak và Đông Á bank Dak Lak là hai Ngân hàng TMCP rất chú trọng đến cho vay hộ sản xuất cà phê. Dư nợ cho vay hộ sản xuất cà phê của hai ngân hàng luôn ở mức trên 50% và có năm đạt 98% tổng dư nợ cho vay sản xuất cà phê. Điều đó cho thấy các Ngân hàng thương mại cổ phần đã xác định thị phần chính là cho vay hộ sản xuất cà phê, qua 5 năm tốc độ tăng dư nợ của khối các NHTM cổ phần khá nhanh, đều đạt trên 300%. Vietinbank Dak Lak và BIDV Dak Lak là 2 trong 5 ngân hàng có dư nợ trung bình lớn. Kế đến là Agribank Dak Lak, là Ngân hàng có dư nợ trung bình thấp nhất, dao động từ 49,76 đến 53,04 triệu đồng/hộ, tuy nhiên đây cũng là ngân hàng có số lượng khách đông nhất, khoảng 50.000 khách hàng.

Về nợ xấu được xem là một chỉ tiêu phản ánh chất lượng tín dụng của các NHTM. Trong 5 ngân hàng thương mại khảo sát trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, chỉ có duy nhất Vietinbank Dak Lak là ngân hàng có không có nợ xấu trong lĩnh vực cho vay hộ sản xuất cà phê. Đây cũng là Ngân hàng tính đến thời điểm này hoạt động ổn định và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Các Ngân hàng khác có tỷ lệ nợ xấu cũng trong tầm kiểm soát dưới 3%. Đây là ngưỡng mà Ngân hàng Nhà nước quy định về tỷ lệ nợ xấu của các NHTM, tính đến năm 2014 chỉ còn Agribank Dak Lak là có nợ xấu cho vay hộ sản xuất cà phê trên 3%, do đó năm 2014 cũng là một năm mà Agribank Dak Lak có những thay đổi lớn không chỉ về con người mà cách thức quản lý, thậm chí giảm cả 2 phòng giao dịch và hơn 100 người để ổn định hoạt động kinh doanh. Qua phân tích cho thấy hoạt động cho vay của các NHTM trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có hiệu quả khi cho vay hộ sản xuất cà phê.

###### \* Tình hình thực hiện nội dung chính sách cho vay hộ sản xuất cà phê

###### (1) Nguyên tắc cho vay

Các NHTM khi cho hộ sản xuất cà phê vay vốn phải đảm bảo 2 nguyên tắc là sử dụng vốn đúng mục đích và hoàn trả nợ đúng kỳ hạn. Qua khảo sát 320 hộ sản xuất cà phê tại 4 điểm nghiên cứu, mục đích vay vốn của các hộ sản xuất cà phê được thể hiện qua kết quả sau:

**Bảng 3.5: Mục đích vay vốn của các hộ sản xuất cà phê trên địa bàn**

Mục đích vay	Krông Pắc		CuKuin		CuMgar		Buôn Ma Thuột		BQC	
	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1.Kiến thiết cơ bản	11	13,75	9	11,25	17	21,25	18	22,50	13,75	17,19
2.Chăm sóc cà phê KD	41	51,25	34	42,50	46	57,50	47	58,75	42	52,50
3.Tái canh	12	15,00	11	13,75	10	12,50	12	15,00	11,25	14,06
4.Mục đích khác	16	20,00	26	32,50	7	8,75	3	3,75	13	16,25
<b>Tổng</b>	<b>80</b>	<b>100</b>	<b>80</b>	<b>100</b>	<b>80</b>	<b>100</b>	<b>80</b>	<b>100</b>		

*Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát của tác giả*

###### (2) Điều kiện cho vay

Kết quả khảo sát 194 hộ sản xuất cà phê có vay vốn tại các NHTM cho thấy vốn tự có của các hộ chiếm 62,59% so với tổng chi phí sản xuất của hộ. Điều này hoàn toàn phù hợp so với tình hình thực tế, vì trong thời gian vừa qua chi phí sản xuất của hộ trồng cà phê tăng khoảng 20% so với năm năm trước đây, chủ yếu là chi phí nhân công, nước tưới, phân bón.

Tuy nhiên, với vốn tự có của hộ sản xuất trên 60% cho thấy các hộ sản xuất cà phê có vốn tự có lớn, đảm bảo điều kiện vay và trả nợ cho ngân hàng.

**(3) Bảo đảm an toàn cho nợ vay**

Kết quả khảo sát ngẫu nhiên 194 hộ có vay vốn tại các NHTM cho thấy số lượng hộ vay vốn có tài sản đảm bảo là chủ yếu, lên tới 88,14%. Trong khi vốn vay ngân hàng chỉ có 18.569 triệu đồng, thì giá trị tài sản đảm bảo là 26.686 triệu đồng, tỷ lệ vốn vay/giá trị tài sản đảm bảo là 69,58%. Qua đó cho thấy, tín dụng cấp cho hộ sản xuất cà phê được đảm bảo.

**(4) Hạn mức cho vay**

Theo kết quả điều tra hiện nay, các NHTM trên địa bàn cho vay tối đa là 69,58%, trong đó khối các NHTM cổ phần như Sacombank Dak Lak, Đông Á bank Dak Lak cho vay hạn mức cao, còn các NHTM có vốn Nhà nước như Agribank Dak Lak, BIDV Dak Lak, Vietinbank Dak Lak cho vay hạn mức chỉ khoảng 50% đến 60%. Vì vậy, có thể thấy các NHTM trên địa bàn đều cho vay trong hạn mức quy định.

**(5) Lãi suất cho vay**

Các NHTM đều thực hiện đúng theo Quy chế cho vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và áp dụng lãi suất cạnh tranh trên thị trường.

**(6) Thời hạn cho vay**

Khi đến kỳ hạn trả nợ gốc hoặc lãi, nếu khách hàng không trả nợ đúng hạn và không được điều chỉnh kỳ hạn nợ gốc hoặc lãi hoặc không được gia hạn nợ gốc hoặc lãi, thì tổ chức tín dụng chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

NHTM và hộ sản xuất cà phê có thể thỏa thuận về điều kiện, số lãi vốn vay, phí phải trả trong trường hợp khách hàng trả nợ trước hạn.

**(7) Quy trình cho vay**

Các NHTM trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk áp dụng quy trình cho vay theo quyết định 1627/2001/QĐ – CP bảo đảm tính độc lập và phân định rõ ràng trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cho vay.

*\*Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định cấp tín dụng của các ngân hàng thương mại đối với hộ sản xuất cà phê*

**Bảng 3.8. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định cấp tín dụng**

Nhân tố	GTTB của các nhân tố
Tài sản đảm bảo	3,80
Thông tin chủ hộ	2,70
Khả năng hạch toán, quản lý của hộ	3,69
Năng lực hoạt động	3,76
Mạng lưới quan hệ xã hội	2,61
Ảnh hưởng của nền kinh tế	1,99

*Nguồn: Xử lý số liệu bằng SPSS*

Nhóm tài sản đảm bảo có điểm trung bình cao nhất, tiếp đến là năng lực hoạt động, trình độ quản lý của chủ hộ, ảnh hưởng của nền kinh tế và quan hệ xã hội. Kết quả trên thể hiện vai trò quan trọng của tài sản đảm bảo trong việc quyết định cho vay của các NHTM hiện nay. Đây chính là kết luận chung của nhiều nghiên cứu trước đó về khả năng tiếp cận vốn của hộ sản xuất cà phê.

**3.1.1.2. Tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của hộ sản xuất cà phê**

**Bảng 3.9: Đặc điểm nhân khẩu học các nhóm hộ điều tra**

Chỉ tiêu	ĐVT	Huyện, thành phố				BQC/tổng
		Krông Pắc	CưKuin	CưMgar	Buôn Ma Thuột	
1.Số hộ điều tra	Hộ	80	80	80	80	
2.Tuổi chủ hộ	Tuổi	49,2	49,21	48,35	45,11	47,97
3.Trình độ chủ hộ	Lớp	7,35	8,3	7,43	8,8	7,97

4. Bình quân nhân khẩu	Người	4,7	5,05	4,4	4,4	4,64
5. Bình quân lao động	Người	3,6	3,6	3,05	2,9	3,29
6. Diện tích đất	Ha	7,7	11,4	8,2	8,4	8,93
7. Diện tích trồng cà phê	Ha	7,5	10,1	6	8	7,90
8. Số năm kinh nghiệm	Năm	14,85	13,75	15,65	15,55	14,95
9. Được tham gia tập huấn	%	81,65	80,25	90,75	92,5	86,28

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2014

\*Khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của các hộ sản xuất cà phê

a) Số lượng hộ sản xuất vay vốn tín dụng ngân hàng

**Bảng 3.9: Số lượng hộ sản xuất cà phê có vay vốn tại các NHTM**

Điểm nghiên cứu	Hộ có vay		Phân theo ngân hàng											
			Agribank		Vietinbank		BIDV		Sacombank		Đông Á		NH khác	
	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Krông Pắc	35	43,75	17	48,57	5	14,29	6	17,14	2	5,71	3	8,57	2	5,71
CưKuin	47	58,75	12	25,53	10	21,28	8	17,02	7	14,89	7	14,89	3	6,38
CưMgar	55	68,75	13	23,64	11	20,00	10	18,18	9	16,36	8	14,55	5	9,09
Buôn Ma Thuột	57	71,25	21	36,84	9	15,79	6	10,53	5	8,77	5	8,77	11	19,30
Tổng	194	60,63	63	32,47	35	18,04	30	15,46	23	11,86	23	11,86	21	10,82

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2014

Trong tổng số 320 phiếu điều tra tại 4 điểm nghiên cứu, số hộ có vay vốn là 194 hộ, chiếm tỷ lệ 60,63%.

b) Nhu cầu vay vốn tín dụng ngân hàng của hộ sản xuất cà phê

Trong số 126 hộ chưa vay vốn có tới 61,90% hộ có nhu cầu vay vốn tín dụng từ các NHTM nhưng vì nhiều lý do nên các hộ này vẫn chưa tiếp cận được với nguồn vốn vay. Số hộ còn lại với tỷ lệ 38,10% là do điều kiện gia đình khá giả hoặc có các nguồn tiếp cận khác nên không có nhu cầu vay vốn tín dụng ngân hàng. Qua số liệu trên cho thấy nhu cầu về vay vốn tín dụng ngân hàng trong thị trường nông thôn là lớn, do đó thị trường tín dụng Đắk Lắk được xem là thị trường tiềm năng.

c) Khả năng đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho hộ sản xuất cà phê

Khả năng đáp ứng nhu cầu vốn vay của các NHTM cổ phần khá cao, Sacombank Dak Lak và Sacombank Dak Lak trên 0,9 (chuẩn đáp ứng nhu cầu cho vay là 1), kể đến là các NHTM cổ phần có vốn sở hữu của Nhà nước, BIDV Dak Lak và Vietinbank Dak Lak, trên 0,7. Khối các NHTM khác cũng khá cao, trên 0,8 và cuối cùng là Agribank Dak Lak 0,61. Qua phân tích cho thấy khả năng đáp ứng nhu cầu vốn vay vẫn chưa đạt 1, vẫn còn 0,185 nhu cầu chưa đáp ứng đủ. Khả năng đáp ứng nhu cầu vay phụ thuộc rất lớn vào nguồn vốn huy động và đặc điểm cũng như chiến lược hoạt động của các NHTM.

Để thấy rõ hơn việc tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của các hộ sản xuất cà phê trên địa bàn tỉnh, cũng như những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận của hộ sản xuất cà phê, tác giả sử dụng mô hình Heckman được sử dụng để đánh giá khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của các hộ sản xuất cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có kết quả như sau:

**Bảng 3.11: Kết quả phân tích bước một về khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của hộ sản xuất cà phê**

Stt	Biến số	Ký hiệu	Coefficient	t-Statistic	Prob.	Ý nghĩa
1	Tín dụng khác	Tindungkhac	-0,0878	-2,4616	0,0144	**
2	Trình độ	Trinhdo	0,0006	0,1068	0,9149	NS

3	Thủ tục	Thutuc	0,3170	9,6703	0,0000	***
4	Sở đồ	Sodo	0,2031	5,5840	0,0000	***
5	Giới tính	Gioitinh	0,2398	6,4465	0,0000	***
6	Độ tuổi	Dotuoi	-0,0036	-2,3029	0,0219	***
7	Địa vị	Diavi	0,0520	0,8208	0,4124	NS
8	Dân tộc	Dantoc	0,2960	8,8168	0,0000	**
	Hệ số tự do	C	0,3597	3,3137	0,0010	
	Giá trị R <sup>2</sup>				0,56	

Nguồn: Kết quả điều tra và nghiên cứu của tác giả năm 2014

**Ghi chú:** \*\*\* Có ý nghĩa thống kê ở mức 1%      NS Không có ý nghĩa thống kê  
\*\* Có ý nghĩa thống kê ở mức 5%

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy có 6 nhân tố ảnh hưởng có ý nghĩa đến khả năng tiếp cận vốn vay chính thức của hộ gia đình. Các nhân tố đó là: Tín dụng khác, thủ tục, sở đồ, giới tính, độ tuổi và dân tộc.

Ở bước thứ hai kết quả phân tích hồi quy cho thấy các biến ảnh hưởng đến hạn mức tín dụng một cách có ý nghĩa là: Diện tích, lãi suất, mục đích, thu nhập và tài sản thế chấp.

**Bảng 3.12: Kết quả phân tích bước hai mô hình Heckman**

Stt	Biến số	Coefficient	t-Statistic	Prob.	Ý nghĩa
1	Dientich	0,000245	2,022645	0,0440	**
2	Laisuat	2,081359	8,318708	0,0000	***
3	Mucdich	6,171040	2,670071	0,0080	***
4	Nganhnghe	0,711392	0,283934	0,7766	NS
5	Thunhap	0,193555	2,167038	0,0000	***
6	Trinhdo	0,310559	0,797158	0,4260	NS
7	TSTC	5,068749	2,175329	0,0304	**
	C	-20,33642	-4,580717	0,0000	
	Giá trị R <sup>2</sup>			0,77	

Nguồn: Kết quả điều tra và nghiên cứu của tác giả năm 2014

**Ghi chú:** \*\*\* Có ý nghĩa thống kê ở mức 1%      NS Không có ý nghĩa thống kê  
\*\* Có ý nghĩa thống kê ở mức 5%

Qua hai bước hồi quy của mô hình hồi quy Heckman nhân tố ảnh hưởng lớn đến khả năng tiếp cận vốn vay của nông hộ là:

Thứ nhất là tài sản thế chấp. Đây là rào cản lớn đối với khả năng tiếp cận và quy mô vốn vay chính thức. Việc xây dựng hạn mức vay cao và cho vay tín chấp trong nông nghiệp là việc làm cần thiết để các hộ sản xuất nông nghiệp có thể tiếp cận với nguồn vốn vay chính thức.

Thứ hai là thủ tục vay vốn. Hiện nay thủ tục vay vốn từ phía các tổ chức tín dụng ngân hàng vẫn còn nhiều bất cập, thủ tục vẫn còn rườm rà.

Thứ ba là trình độ dân trí. Với trình độ còn hạn chế, hộ nông dân rất khó xây dựng một phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, có tính thuyết phục cao.

Thứ tư là mục đích vay vốn. Trong quá trình vay vốn phục vụ cho quá trình sản xuất cà phê, các hộ phải thể hiện được vốn vay vào nội dung nào, nếu vay để chăm sóc cà phê kinh doanh thì việc tiếp cận sẽ nhanh và dễ dàng hơn, còn nếu vay vào các mục đích khác như trồng mới, tái canh cà phê thì quy trình vay sẽ dài hơn, đòi hỏi nhiều điều kiện hơn.

Thứ năm là lãi suất cho vay. Với lãi suất vốn tín dụng ngân hàng được đánh giá là mức lãi suất thấp hơn nguồn vốn tín dụng phi chính thức, tuy nhiên để tiếp cận được nguồn vốn này các hộ trồng cà phê phải có đủ điều kiện, đó là tài sản đảm bảo.

Các nhân tố còn lại như thu nhập, địa vị xã hội, diện tích, dân tộc đều góp phần làm tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng. Do vậy, các hộ sản xuất cà phê có mức thu nhập cao, có địa vị trong xã hội, là người kinh thì tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng sẽ dễ dàng hơn và ngược lại các hộ nghèo và không có điều kiện sẽ tiếp cận vốn khó khăn hơn,



do đó cần có cơ chế cho vay phù hợp với từng đối tượng để đảm bảo công bằng cho các hộ sản xuất cà phê, đảm bảo quá trình phát triển bền vững và ổn định.

**\*Hình thức tiếp cận**

Qua khảo sát số liệu thực tế cho thấy trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk chủ yếu vẫn là hình thức cho vay trực tiếp đến từng hộ sản xuất cà phê.

**Bảng 3.13: Hình thức tiếp cận vốn tín dụng của nhóm hộ điều tra**

Diễn giải	Krông Pắc		CưKuin		CưMgar		Buôn Ma Thuột		BQC/hộ
	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	
Tiếp cận trực tiếp	30	90,91	43	97,73	50	96,15	54	100	96,72
Tiếp cận gián tiếp	3	9,09	1	2,27	2	3,85	0	0	3,28
-Thông qua tổ	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0	0,00
-Thông qua doanh nghiệp	3	9,09	1	2,27	2	3,85	0	0	3,28
<b>Tổng</b>	<b>33</b>	<b>100</b>	<b>44</b>	<b>100</b>	<b>52</b>	<b>100</b>	<b>54</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2014*

Hiện nay, có hơn 90% các hộ sản xuất cà phê tiếp cận vốn bằng hình thức này, trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột tỷ lệ cho vay trực tiếp lên tới 100%, kể đến là huyện Cư Kuin 97,73%, cuối cùng là Krông Pắc 90,91%. Tuy nhiên với hình thức tiếp cận vốn trực tiếp sẽ gây khó khăn cho các NHTM, khi đến thời gian cao điểm của mùa vụ sản xuất cà phê đã gây ra tình trạng quá tải, tiến độ giải ngân cho các hộ sản xuất không kịp.

**\*Phương thức tiếp cận**

**Bảng 3.14: Phương thức tiếp cận vốn tín dụng của nhóm hộ điều tra**

Diễn giải	Krông Pắc		CưKuin		CưMgar		Buôn Ma Thuột		BQC/hộ
	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	
Cho vay từng lần	31	93,93	42	95,45	49	94,23	50	92,59	93,99
Cho vay theo dự án đầu tư	2	6,07	2	4,55	3	5,77	4	7,41	6,01
<b>Tổng</b>	<b>33</b>	<b>100</b>	<b>44</b>	<b>100</b>	<b>52</b>	<b>100</b>	<b>54</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2014*

Phương thức tiếp cận vốn tín dụng của các hộ sản xuất cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là cho vay từng lần, các điểm nghiên cứu đều chiếm trên 90%. Tại các điểm nghiên cứu vẫn có phát sinh phương thức cho vay theo dự án đầu tư, tuy nhiên số lượng các hộ sản xuất cà phê vay theo phương này vẫn còn hạn chế, chiếm tỷ lệ dưới 10%. Vì vậy trong thời gian tới để giảm chi phí và giảm tải công việc liên quan đến thủ tục, giấy tờ trong hồ sơ vay vốn của các NHTM cần chú trọng đến việc cho vay theo dự án đầu tư.

**3.1.2. Sử dụng vốn tín dụng ngân hàng của hộ sản xuất cà phê tại tỉnh Đắk Lắk**

**3.1.2.1. Về mặt kinh tế**

*\*Vốn vay bình quân và tỷ lệ vốn vay của các hộ sản xuất cà phê*

**Bảng 3.15: Tỷ lệ vốn vay trên vốn đầu tư của các hộ sản xuất cà phê**

**ĐVT: 1.000đ**

Chỉ tiêu	Điểm nghiên cứu					BQC
	Krông Pắc	CưKuin	CưMgar	Buôn Ma Thuột	BQC	
1.Vốn đầu tư	65.847	64.863	62.517	64.733	64.490	
2.Vốn vay	38.200	38.200	38.200	38.200	38.200	
3.Tỷ lệ vốn vay/Vốn đầu tư (%)	58,01	58,89	61,10	59,01	59,23	

Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát của tác giả

\* Hiệu quả sử dụng vốn tín dụng của các hộ sản xuất cà phê trên địa bàn

**Bảng 3.16: Hiệu quả sử dụng vốn tín dụng của các hộ sản xuất cà phê**

**ĐVT: 1.000đ**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Krông Pắc	Cư Kuin	Cư Mgar	Buôn Ma Thuột	BQC
Năng suất sản phẩm	Kg nhân khô/ha	2.712	2.723	2.745	2.744	2.731
Giá bán bình quân	ngàn đồng/kg	35	35	35	35	35
Giá trị sản lượng	1.000đ	94.920	95.305	96.075	96.040	95.585
Tổng chi phí	1.000đ	65.847	64.863	62.517	64.733	64.490
Lợi nhuận	1.000đ	29.073	30.442	33.558	31.307	31.095
Tỷ suất lợi nhuận/chi phí	%	44,15	46,93	53,68	48,36	48,28

Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát của tác giả

Kết quả khảo sát cho thấy số hộ không có nhu cầu vay vốn chiếm tỷ lệ thấp (38,10% tổng số hộ không vay vốn tín dụng). Đồng thời kết quả kiểm định t-test cho thấy sự khác biệt về năng suất giữa 2 nhóm hộ, có vay vốn và không vay vốn. Chi phí đầu tư giữa 3 nhóm hộ cũng có sự khác biệt đáng kể và tỷ suất lợi nhuận của nhóm có vốn cao hơn hẳn so với nhóm thiếu vốn sản xuất [Phụ lục 16].

**Bảng 3.17: So sánh hiệu quả sử dụng vốn tín dụng theo nhu cầu**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Có vay vốn tín dụng	
		Có nhu cầu nhưng không vay được	Không có nhu cầu vay
Năng suất sản phẩm	Kg nhân khô/ha	2.731	28.562
Giá trị sản lượng	1000đ	95.585	101.589
Tổng chi phí	1000đ	64.490	66.492
Lợi nhuận	1000đ	31.095	35.097
Tỷ suất lợi nhuận/chi phí	%	48,28	52,78

Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát của tác giả

Để thấy rõ hơn về việc sử dụng vốn tín dụng của các hộ sản xuất cà phê tỉnh Đắk Lắk có hiệu quả hay không, tác giả sử dụng hàm hồi quy Cobb - Douglas để đánh giá vốn tín dụng ngân hàng có ảnh hưởng đến năng suất cà phê nhân của các hộ sản xuất cà phê:

**Hàm Cobb-Douglas được sử dụng để nghiên cứu với kết quả như sau:**

$$\ln NS = \beta_0 + \beta_1 \ln TRINHDO + \beta_2 VAYVON + \beta_3 \ln NT + \beta_4 \ln LD + \beta_5 \ln TS + \beta_6 PB + \beta_7 KH + \beta_8 HDTT + \beta_9 CAPHE + \varepsilon$$

**Bảng 3.18: Kết quả hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất cà phê nhân**

Stt	Biến	Coefficient	t-Statistic	Prob.	Ý nghĩa
1	Hệ số tự do	-0,571530	-5,060442	0	
2	Loại cà phê (1-cà phê vối; 0-cà phê chè)	0,072173	2,005289	0,0458	**
3	Vay vốn(1-có vay; 0-không vay)	0,042791	2,405293	0,0167	**
4	Trình độ	0,048384	1,988512	0,0476	**
5	Phân bón	0,650286	17,00164	0,0000	***
6	Nước tưới	-0,025279	-1,068611	0,2861	NS
7	Công lao động (ngày công)	0,025200	1,064543	0,2879	NS

8	Khí hậu (1-hợp lý; 0-không hợp lý)	-0,039509	-1.992684	0,0472	**
9	Hợp đồng tiêu thụ	0,001375	0.076988	0,9387	NS
10	Tài sản thế chấp	-0,010452	-0.698683	0,4853	NS

Nguồn: Kết quả khảo sát và nghiên cứu của tác giả năm 2014

**Ghi chú:** \*\*\* Có ý nghĩa thống kê ở mức 1%  
 \*\* Có ý nghĩa thống kê ở mức 5%  
 NS Không có ý nghĩa thống kê  
 $R^2 = 0,5502$

Từ kết quả chạy mô hình ta có mô hình hồi quy:

$$\ln NS = -0,5715 + 0,0484 \ln TRINHDO + 0,0428 VAYVON - 0,0395 KH + 0,6503 \ln PB + 0,0722 CAPHE$$

Như vậy, năng suất cà phê nhân của hộ sản xuất phụ thuộc vào: Trình độ của hộ, vốn vay, khí hậu, phân bón, loại cà phê, cụ thể:

Trình độ có ý nghĩa ở mức 5%, cho thấy việc áp dụng kỹ thuật canh tác ảnh hưởng rất lớn đến năng suất cà phê.

Vay vốn có ý nghĩa ở mức 5%, cho thấy các hộ vay được vốn sẽ đầu tư nhiều hơn cho cà phê. Góp phần nâng cao năng suất cho người trồng cà phê.

Khí hậu của vùng ảnh hưởng lớn đến năng suất cũng như chi phí đầu tư của hộ sản xuất, có ý nghĩa ở mức 5%.

Phân bón có ý nghĩa ở mức 1% và đúng với dấu kỳ vọng.

Chung loại cà phê ảnh hưởng đến sản lượng cà phê của hộ ở mức ý nghĩa 5%.

Kết quả mô hình hồi qui cho thấy:

$R^2 = 0,5502$ , mô hình cho biết các biến độc lập đã giải thích 55,02% sự thay đổi của biến phụ thuộc là năng suất.

Ý nghĩa của các tham số:

$\beta_1 = 0,0484$  cho biết trong trường hợp các yếu tố khác trong mô hình không đổi, khi trình độ sản xuất của hộ tăng lên 1% thì năng suất tăng lên 0,0484%.

$\beta_2 = 0,0429$  cho biết việc vay vốn Ngân hàng sẽ làm gia tăng năng suất lên  $e^{0,0429} - 1$  (0,043834) lần so với hộ không được vay vốn.

$\beta_7 = -0,0395$  là hệ số co giãn của sản lượng với khí hậu của vùng, cho biết trong trường hợp các yếu tố khác trong mô hình không đổi, vùng mưa ít hơn 1% thì năng suất giảm đi  $e^{-0,0395} - 1$  (-0,03873) lần.

$\beta_6 = 0,6503$  là hệ số co giãn của năng suất với lượng phân bón sử dụng, cho biết trong trường hợp các yếu tố khác trong mô hình không đổi, khi phân bón tăng lên 1% thì năng suất tăng lên 0,6503%.

$\beta_9 = 0,0722$  là hệ số co giãn của năng suất với loại cà phê, cho biết trong trường hợp các yếu tố khác trong mô hình không đổi, khi trồng cà phê vối thì năng suất tăng lên  $e^{0,0722} - 1$  (0,07487) lần so với hộ trồng cà phê chè.

Đối với ngày công lao động, hợp đồng tiêu thụ, nước tưới và tài sản thế chấp không có ý nghĩa thống kê đối với năng suất cà phê nhân của hộ sản xuất cà phê.

Kiểm định Wald cho thấy mô hình phù hợp, không có hiện tượng thừa hay thiếu biến quan trọng [Phụ lục 11].

Như vậy, việc sản xuất cà phê của các hộ phụ thuộc vào nhiều yếu tố, như: trình độ sản xuất, vay vốn, loại cà phê, khí hậu và phân bón. Trong đó vốn tín dụng là một yếu tố có vai trò quan trọng đối với hiệu quả sản xuất cà phê của các hộ. Các hộ có vay vốn tín dụng sẽ đầu tư nhiều hơn cho vườn cây của mình và đem lại sản lượng và năng suất cao hơn. Kết quả kiểm định t-test cho thấy có sự khác biệt rõ rệt về năng suất giữa 2 nhóm hộ (năng suất của nhóm hộ có vay vốn ngân hàng cao hơn hẳn nhóm hộ còn lại) [Phụ lục 16].

### 3.1.2.2. Về mặt xã hội

\*Tạo công ăn việc làm trong ngành nông nghiệp

**Bảng 3.18: Biến động lao động cà phê trong nông nghiệp của tỉnh Đắk Lắk**

Năm	Tổng số lao động (người)	Số LĐ trong nông nghiệp (người)	Số LĐ cà phê (người)	Tỷ lệ LĐ cà phê trong LĐ nông nghiệp (%)	Tỷ lệ LĐ cà phê trong tổng LĐ (%)
2010	95.4090	757.383	296.557	39,16	31,08
2011	98.1270	762.913	308.181	40,40	31,41
2012	100.6103	769.816	351.321	45,64	34,92
2013	1.048.201	804.364	364.507	45,32	34,77
2014	1.068.612	814.777	385.692	47,34	36,09

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Đắk Lắk 2014

Qua năm năm, tỷ trọng lao động cà phê so với tổng lao động và tổng lao động trong nông nghiệp, xu hướng tăng đều qua các năm, năm 2009 là 43,43% và năm 2013 là 47,95% so với lao động trong nông nghiệp. Còn tỷ trọng lao động cà phê so với tổng lao động năm 2009 là 33,94%, đến năm 2013 là 41,82%. Với số liệu trên cho thấy ngành cà phê trong năm năm đã thu hút được một lượng lao động rất lớn, không chỉ đáp ứng được nhu cầu việc làm trong tỉnh, mà cứ đến mùa vụ thu hoạch cà phê khoảng từ tháng 10 đến tháng 12 lại thu hút một lượng lao động lớn từ các tỉnh miền Trung và miền Bắc vào Đắk Lắk để tìm việc với giá công lao động khá cao, khoảng từ 120.000đ đến 150.000đ/công lao động.

\* Trang bị kiến thức, kỹ thuật cho nông hộ

**Bảng 3.19: Tình hình sản xuất cà phê chứng chỉ bền vững tại Đắk Lắk**

Chỉ tiêu	Số hộ	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích BQ (ha/hộ)	Năng suất BQ (tạ/ha)
4C	32.706	43.802	141.447	1,34	32,29
Utz certified	12.937	17.446	55.840	1,35	32,01
Rainforest Alliance	3.823	6.143	23.793	1,61	38,73
Fair trade	214	417	1.631	1,95	39,11
Tổng số	49.680	67.808	222.711	1,36	32,84

Nguồn: Sở nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Lắk năm 2014

Theo số liệu điều tra tại các điểm nghiên cứu, tỷ lệ hộ sản xuất cà phê được tập huấn và đào tạo cao, trong đó huyện CưMgar là điểm có số hộ được tập huấn cao nhất, chiếm tỷ lệ 66,15%. Các điểm nghiên cứu còn lại, tỷ lệ hộ được đào tạo chiếm tỷ lệ trên 50%, đây là kết quả đáng khích lệ trong việc giúp các nông hộ nâng cao kỹ thuật, khả năng hạch toán trong sản xuất cà phê. Vì thế, trong việc cấp tín dụng cho các hộ sản xuất cà phê, nếu các hộ đã qua tập huấn, đào tạo và có giấy chứng nhận sẽ giúp cho việc giải ngân và quản lý sau cho vay của các ngân hàng thương mại Nhà nước được tốt hơn.

### 3.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê

#### 3.2.1. Nhóm nhân tố về đặc điểm của hộ sản xuất cà phê

##### 3.2.1.1. Khả năng hạch toán và quản lý của hộ sản xuất

Khả năng hạch toán và quản lý của chủ hộ phụ thuộc khá lớn vào trình độ học vấn. Kết quả khảo sát các hộ nông dân cho thấy 9,38% số lao động nông nghiệp là không biết chữ. Chủ yếu là lao động có trình độ cấp 2, chiếm 45,31%, cấp 3 chiếm tỷ trọng khá thấp 20,94%. Trình độ lao động hạn chế là yếu tố cản trở việc tiếp cận và sử dụng vốn tín dụng, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất cà phê của các hộ sản xuất.

Bên cạnh đó khả năng hạch toán và quản lý của chủ hộ không chỉ thể hiện ở việc tính toán chi phí, sử dụng vốn đầu tư, vốn vay hợp lý mà còn thể hiện ở việc tiếp cận với thông tin thị trường nông sản như quyết định bán sản phẩm cho ai và bán vào thời điểm

nào cho phù hợp. Đây chính là nhân tố quan trọng trong việc quyết định hiệu quả sản xuất của hộ trồng cà phê.

**Bảng 3.21: Ý kiến về khả năng hạch toán và quản lý vốn tín dụng của chủ hộ**

Nội dung	Tỷ trọng (%)
<b>I. Ý kiến của 136 CBTD về quản lý các khoản vay của hộ sản xuất</b>	
<b>1. Khả năng hạch toán</b>	
Do trình độ văn hoá của chủ hộ thấp	63,97
Do chủ hộ chưa có kinh nghiệm trong sản xuất cà phê	25,00
Do chủ hộ chưa được đào tạo về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh cà phê	11,03
<b>2. Năng lực hoạt động</b>	
Phương án sản xuất của hộ không khả thi	55,15
Hộ không có nguồn tiêu thụ sản phẩm đảm bảo	44,85
<b>II. Ý kiến của 194 hộ có vay vốn tín dụng</b>	
105 hộ thường bán cà phê với giá không như mong muốn	54,12

*Nguồn: Tổng hợp số liệu khảo sát của tác giả*

Bảng 3.21 phản ánh khả năng hạch toán và quản lý của chủ hộ sản xuất cà phê có ảnh hưởng đến tiếp cận và sử dụng vốn tín dụng ngân hàng. Từ kết quả trên cho thấy cần có các chính sách phù hợp để nâng cao khả năng hạch toán, năng lực hoạt động của hộ sản xuất cũng như chính sách về giá để giảm thiểu rủi ro cho hộ sản xuất và cho NHTM.

### 3.2.1.2. Đất trồng cà phê của hộ sản xuất

Đất trồng cà phê của hộ sản xuất được xem là tài sản đảm bảo nợ vay ngân hàng với điều kiện đất canh tác cà phê phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kết quả khảo sát cho thấy diện tích đất trồng cà phê chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương đối cao, khả năng thế chấp của hộ sản xuất cà phê tỉnh Đắk Lắk gặp khó khăn, tỷ lệ hộ sản xuất cà phê được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới chỉ đạt 65,23%. Nguyên nhân chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ sản xuất có cả chủ quan và khách quan, thủ tục hành chính là một trong những nguyên nhân quan trọng.

### 3.2.1.4. Tín dụng khác

Qua phân tích cho thấy hiện nay tín dụng khác vẫn phổ biến trong dân, các hình thức tín dụng ngân hàng vẫn bỏ ngỏ thị trường này và việc tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của các hộ sản xuất cà phê vẫn gặp nhiều khó khăn.

## 3.2.2. Nhóm nhân tố về đặc điểm của NHTM

### 3.2.2.1. Công tác tổ chức của Ngân hàng

Cơ sở vật chất của các Ngân hàng còn gặp nhiều khó khăn, Các chi nhánh, phòng giao dịch thường đóng tại các Trung tâm, thành phố nên khi triển khai cho vay ở các xã, vùng đi lại còn khó, việc quản lý tín dụng còn hạn chế. Thậm chí Agribank Dak Lak có tới 67 Chi nhánh, 164 phòng giao dịch nên việc quản lý nợ còn gặp nhiều khó khăn.

Việc quan hệ và phối hợp các chính quyền cơ sở chưa chặt chẽ, nên khi phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi mất nhiều thời gian và thủ tục để giải quyết.

### 3.2.2.2. Chất lượng nhân sự

Qua kết quả trên cho thấy các Ngân hàng không nên chỉ quan tâm đến kết quả kinh doanh mà nên quan tâm hơn nữa đến việc đào tạo CBTD cả về chuyên môn và đạo đức để đem đến sự hài lòng cho khách hàng.

### 3.2.2.3. Chính sách cho vay

Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, tại các NHTM áp dụng quy định cho vay đúng theo quy chế cho vay 1627/2001/QĐ – CP. Các NHTM sẽ ban hành quy trình cụ thể cho ngân hàng, hiện nay các NHTM vẫn áp dụng chủ yếu hình thức cho vay trực tiếp đến từng hộ sản xuất cà phê, các hộ sản xuất sẽ có lợi khi không phải tốn khoản chi phí phát sinh nào ngoài lãi

suất của NHTM, tuy nhiên sẽ gây khó khăn cho các NHTM khi vào mùa vụ, tiến độ giải ngân cho các hộ sản xuất cà phê sẽ chậm trễ.

### **3.2.3. Nhóm nhân tố về chính sách của Chính phủ**

#### **3.2.3.1. Kết quả cho vay giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản**

Tính đến thời điểm năm 2014 vẫn chưa phát sinh khoản vay này tại Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Đắk Lắk, nguyên nhân là các loại máy móc thiết bị được quy định trong danh mục giá quá cao so với các loại máy móc cùng loại có cùng tính năng. Đồng thời, hiện nay việc sản xuất cà phê tỉnh Đắk Lắk còn nhỏ lẻ. Toàn tỉnh, hiện có khoảng 180.500 hộ sản xuất cà phê, nhưng có hơn 85% diện tích là của người dân tự trồng và quản lý. Theo thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk, số hộ có quy mô sản xuất dưới 0,5 ha chiếm khoảng 35%, từ 0,5 ha đến 1 ha khoảng 34%, từ 1 đến 2 ha khoảng 24% và trên 2 ha chỉ có 7%. Do đó người dân không có nhu cầu xây nhà kho và sân phơi với quy mô lên tới 1.000m<sup>2</sup>.

#### **3.2.3.2. Kết quả cho vay mua tạm trữ cà phê**

Kết quả đạt được là trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 05 doanh nghiệp được giao chỉ tiêu mua tạm trữ cà phê; Trong đó có 02 doanh nghiệp tỉnh Đắk Lắk (Công ty cổ phần Đầu tư XNK Đắk Lắk và Công ty TNHH MTV XNK 2/9), 02 doanh nghiệp thuộc Tổng công ty cà phê Việt Nam (Công ty cổ phần Đầu tư XNK Tây Nguyên, Công ty cổ phần Đức Nguyên), 01 doanh nghiệp ngoài quốc doanh (Công ty cổ phần Thái Hoà Buôn Ma Thuột).

#### **3.2.3.3. Kết quả cho vay tái canh cây cà phê khu vực Tây Nguyên**

Chương trình cho vay tái canh cà phê mới được triển khai, tuy nhiên do có sự chi đạo sâu sát của các Sở, ban ngành nên đã đạt được kết quả ban đầu, đó là tính đến tháng 09/2013, Chi nhánh ngân hàng NN&PTNT tỉnh Đắk Lắk đã ký hợp đồng nguyên tắc cùng khách hàng với số tiền trị giá 195 tỷ đồng để đầu tư tái canh 976 ha cà phê và hiện nay đã giải ngân được 109.855 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 56,33%. Trong đó chủ yếu là khách hàng hộ gia đình, lên tới 59 hộ gia đình, còn doanh nghiệp chỉ có 7 doanh nghiệp.

### **3.2.4. Các nhân tố khác**

#### **3.2.4.1. Điều kiện tự nhiên**

Đắk Lắk là tỉnh có quy mô diện tích đất canh tác cà phê lớn nhất cả nước. Tổng diện tích đất trồng cà phê của tỉnh năm 2013 là 181.960 ha, chiếm 34% diện tích trồng cà phê của cả nước và 38% diện tích cà phê của Vùng Tây Nguyên (Phụ biểu 14). Cà phê được trồng trên đất Bazan chiếm 91% tổng diện tích canh tác cà phê, so với toàn vùng Tây Nguyên và cả nước, tỷ lệ này tương ứng là 74 - 75%. Lợi thế này đã giúp Đắk Lắk hình thành và phát triển vùng cà phê tập trung, chuyên canh lớn nhất ở Việt Nam.

Hiện nay ở Đắk Lắk cây cà phê chỉ phù hợp ở những huyện như Cư Mgar, Krông Păk, Buôn hồ, Cư Kuin, thành phố Buôn Ma Thuột..., còn những vùng không phù hợp như Buôn Đôn, Ea Súp, MaĐrăk. Do đó cần có chính sách quy hoạch phát triển cho phù hợp.

#### **3.2.4.2. Thị trường tiêu thụ**

Thị trường tiêu thụ có tác động mạnh mẽ đến sản xuất và giá cả cà phê. Mặc dù hiện nay Việt Nam là nước xuất khẩu thứ hai trên thế giới về cà phê nhưng chúng ta vẫn chưa thể chủ động trên thị trường, kể cả thị trường tiêu dùng nội địa. Niên vụ 2010-2011 là niên vụ được mùa và được giá của tỉnh Đắk Lắk, do có chính sách thu mua và tạm trữ vào năm 2010 nên giá cà phê bắt đầu có xu hướng tăng lên. Giá thu mua cà phê nhân xô trên địa bàn tỉnh là 43.148đ/kg, tăng 69,39% so với niên vụ trước. Giá thu mua cao nhất là vào thời điểm cuối tháng 05/2011 là 51.400đ/kg, giá mua thấp nhất rơi vào thời điểm tháng 9/2010 là 28.600đ/kg. Qua đó cho thấy nếu có chính sách hỗ trợ vốn tín dụng kịp thời trong tiêu thụ thì hộ sản xuất cà phê sẽ được hưởng lợi từ các chính sách tín dụng của Nhà nước.

#### **3.2.4.3. Các yếu tố khác**

Đó chính là sự ổn định của nền kinh tế, cụ thể là lạm phát, sự thay đổi về lãi suất cơ bản... Và tiếp đến đó là môi trường chính trị, môi trường pháp lý đều ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê của các NHTM. Nếu các yếu tố trên ổn định và không biến động, thay đổi liên tục thì không chỉ các NHTM mà cả khách hàng

cũng yên tâm trong sản xuất kinh doanh.

## **CHƯƠNG 4**

### **ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VÀ SỬ DỤNG VỐN TÍN DỤNG NGÂN HÀNG ĐỐI VỚI HỘ SẢN XUẤT CÀ PHÊ, TỈNH ĐẮK LẮK**

#### **4.1. Những căn cứ**

##### *4.2. Định hướng*

- Phát huy vai trò của các hình thức tín dụng ngân hàng, khẳng định vai trò chủ đạo trên thị trường tín dụng nông thôn
- Sử dụng vốn tín dụng của các hộ trồng cà phê phải đảm bảo hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội
- Hoạt động tín dụng ở nông thôn cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các TCTD và chính quyền địa phương
- Hoạt động tín dụng ở Đắk Lắk nói riêng và Tây Nguyên nói chung cần kết hợp với các mục tiêu KT-XH khác

##### *4.3. Giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng vốn tín dụng ngân hàng cho hộ sản xuất cà phê Đắk Lắk*

##### **4.3.1. Từ phía các hộ sản xuất cà phê**

- (1) *Nâng cao khả năng tiếp cận thông tin về tín dụng nông thôn*
- (2) *Nâng cao khả năng hạch toán trong sản xuất cà phê*
- (3) *Khuyến khích các hộ sản xuất cà phê bền vững có chứng nhận*

##### **4.3.2. Từ phía các NHTM**

- (1) *Hoàn thiện thủ tục cho vay hộ sản xuất cà phê*
- (2) *Nâng cao trình độ cán bộ của các NHTM*
- (3) *Nâng cao chất lượng thâm định và ngăn ngừa, xử lý nợ quá hạn*

##### **4.3.3. Từ phía Nhà nước, các cơ quan chức năng**

- (1) *Đẩy mạnh triển khai việc thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ*
- (2) *Cần phải thành lập quỹ bảo hiểm xuất khẩu cà phê*
- (3) *Hoàn thiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận sử dụng đất*
- (4) *Có chính sách hỗ trợ đầu tư sản xuất theo quy mô hợp tác, liên kết các hộ sản xuất cà phê*
- (5) *Ban hành mức khoán sản phẩm cà phê hợp lý với hộ sản xuất cà phê*
- (6) *Nâng cao chất lượng công tác khuyến nông*

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **Kết luận**

Nghiên cứu về hoạt động tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê là quá trình tiếp cận vốn tín dụng và sử dụng vốn tín dụng của các hộ sản xuất cà phê nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng cho các hộ sản xuất cà phê đồng thời giúp các hộ sản xuất sử dụng vốn tín dụng có hiệu quả hơn trong tương lai. Việc tiếp cận vốn tín dụng được thể hiện ở hai góc độ: i) Cung tín dụng từ phía các NHTM, thể hiện qua chính sách cho vay, doanh số cho vay, dư nợ cho vay và tỷ lệ nợ xấu trong cho vay hộ sản xuất cà phê của các NHTM; ii) Từ phía hộ sản xuất cà phê bao gồm: Khả năng tiếp cận vốn vay, hình thức vay vốn và phương thức vay vốn đối với hộ sản xuất cà phê. Tiếp cận vốn tín dụng gắn liền với quá trình sử dụng vốn tín dụng của các hộ sản xuất cà phê, việc sử dụng vốn tín dụng được nghiên cứu trên hai khía cạnh là kinh tế và xã hội: i) Về kinh tế, được biểu hiện thông qua năng suất sản phẩm, giá trị sản lượng và lợi nhuận của các hộ sản xuất; ii) Về xã hội, đó chính là vấn đề việc làm, kỹ năng và trình độ của các hộ sản xuất được nâng cao. Trên cơ sở nghiên cứu những kinh nghiệm về tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất

của một số quốc gia sản xuất và xuất khẩu cà phê hàng đầu trên thế giới, tác giả đã rút ra những bài học kinh nghiệm trong hoạt động tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê là: i) Mở rộng mạng lưới các TCTD nhằm tạo điều kiện cho các nông hộ tiếp cận vốn tín dụng; ii) Việc cung ứng vốn tín dụng ngân hàng phải gắn liền với chính sách phát triển cà phê bền vững; iii) Nâng cao năng lực hạch toán, năng suất và chất lượng lao động của hộ sản xuất; iv) Tăng cường nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư trong sản xuất cà phê; v) Thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi, đối thoại với Hiệp hội cà phê, Hiệp hội doanh nghiệp để khơi thông dòng vốn đưa vào sản xuất kinh doanh cà phê.

Tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê tỉnh Đắk Lắk thể hiện rõ ở những khía cạnh: Về tiếp cận vốn tín dụng i) Với số hộ có vay vốn là 194 hộ, chiếm tỷ lệ 60,63%, việc tiếp cận vốn tín dụng trong phát triển sản xuất cà phê còn hạn chế, khi được hỏi các hộ sản xuất cà phê đều mong muốn được vay vốn đầu tư cho sản xuất cà phê, tuy nhiên còn nhiều rào cản nên các hộ sản xuất không tiếp cận được; ii) Hình thức tiếp cận vốn trực tiếp với hơn 90% các hộ sản xuất cà phê trong mẫu khảo sát tiếp cận vốn hình thức này, ở các điểm nghiên cứu vẫn tồn tại hình thức vay thông qua doanh nghiệp là do trên địa bàn của các huyện vẫn có các công ty cà phê; iii) Phương thức tiếp cận vốn tín dụng của các hộ sản xuất cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là cho vay từng lần, với tỷ lệ 90%. Phương thức cho vay này với nhiều quy định, thủ tục của ngân hàng sẽ gây khó khăn cho các hộ sản xuất cà phê, vì mỗi lần các hộ sản xuất muốn vay lại lần thứ hai thì đều phải làm lại thủ tục như vay mới ban đầu. Về sử dụng vốn tín dụng với: i) Chi phí đầu tư bình quân cho 1 ha cà phê kinh doanh của người dân trên 64 triệu/ha, cho thấy người dân trên địa bàn tỉnh đầu tư nhiều vào vườn cây của họ, tỷ lệ vốn vay trên vốn đầu tư còn cao, khoảng 59%. Do đó vốn đầu tư của người dân vẫn thiếu hụt; ii) Về thu nhập của các hộ sản xuất cà phê tại các điểm nghiên cứu được xem là khá cao so với các huyện khác trên địa bàn tỉnh, sau khi trừ các khoản chi phí và khấu hao thì các hộ sản xuất cà phê vẫn còn được lợi nhuận hơn 31 triệu đồng/ha. Đó là đối với các hộ cà phê đang độ tuổi kinh doanh, nếu cà phê đã già cỗi thì sẽ khó khăn trong việc đảm bảo mức thu nhập được ổn định. Qua phân tích mô hình Heckman về khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của các hộ sản xuất cà phê cho thấy việc tiếp cận vốn chịu ảnh hưởng của các nhân tố thuộc về bản chất của hộ và các nhân tố thuộc về các NHTM. Với việc phân tích hai bước hồi quy của mô hình hồi quy Heckman, các nhân tố ảnh hưởng lớn đến khả năng tiếp cận tín dụng của nông hộ: thứ nhất là tài sản thế chấp, đây là rào cản lớn nhất đối với khả năng tiếp cận và quy mô nguồn vốn tín dụng ngân hàng. Thứ hai là thủ tục vay vốn, hiện nay thủ tục vay vốn từ phía các NHTM vẫn còn nhiều bất cập, thủ tục vẫn còn rườm rà, thứ ba là thu nhập, với mức thu nhập thấp, hộ nông dân rất khó có phương án trả nợ và nguồn dự trữ cho gia đình. Ngoài ra, còn có các nhân tố khác như diện tích, lãi suất, mục đích và thu nhập của các hộ sản xuất cà phê. Đánh giá hiệu quả của việc sử dụng vốn tín dụng ngân hàng với mô hình Cobb-Douglas đã chỉ ra được các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất của các hộ sản xuất cà phê bao gồm trình độ của chủ hộ, vốn vay, khí hậu, lượng phân bón và loại cà phê. Qua kết luận trên cho thấy vốn tín dụng ảnh hưởng quan trọng đến năng suất của hộ sản xuất cà phê hiện nay.

Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê ở tỉnh Đắk Lắk bao gồm: i) Nhóm nhân tố về đặc điểm của hộ sản xuất như khả năng hạch toán và quản lý của chủ hộ, tài sản đảm bảo và các hình thức tín dụng khác ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng ngân hàng đối với hộ sản xuất cà phê, và đây là nhóm nhân tố quan trọng nhất; ii) Nhóm nhân tố về đặc điểm của các NHTM như là công tác tổ chức, chất lượng nhân sự, chính sách cho vay, trong đó thủ tục cho vay của các NHTM tác động mạnh đến tiếp cận và sử dụng vốn tín dụng của hộ sản xuất cà phê; iii) Chính sách của Chính phủ, trong đó các chính sách về tín dụng như Nghị định cho vay nông nghiệp nông thôn, chính sách hỗ trợ mua tạm trữ cà phê, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch, chính sách tái canh cà phê đã có tác động tích cực góp phần cải thiện giá cả, hỗ trợ cho các hộ sản xuất về tư liệu sản xuất, về vốn đầu tư, về kỹ thuật góp phần tăng khả năng tiếp cận thông tin và sử dụng vốn có hiệu quả; iv) Các nhóm nhân tố khác như điều kiện tự nhiên,



thị trường tiêu thụ... cũng ảnh hưởng đến việc tiếp cận và sử dụng vốn tín dụng của các hộ.

Để nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng và sử dụng vốn tín dụng có hiệu quả, các giải pháp và chính sách chủ yếu cần thực hiện: i) Từ phía hộ sản xuất cà phê cần nâng cao khả năng hạch toán và quản lý trong sản xuất cà phê của chủ hộ, khuyến khích hộ sản xuất hoàn tất thủ tục giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hạn chế tiếp cận với các hình thức tín dụng khác; ii) Từ phía các NHTM gồm hoàn thiện thủ tục cho vay hộ sản xuất, nâng cao trình độ của CBTD, quảng bá hình ảnh, thương hiệu của ngân hàng; iii) Từ phía Chính phủ bao gồm đẩy mạnh việc thực hiện chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp nông thôn, hoàn thiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sản xuất theo mô hình liên kết, ban hành mức khoán cà phê cho phù hợp, nâng cao chất lượng công tác khuyến nông.

### **Kiến nghị**

#### ***Đối với Chính phủ***

Khẩn trương hoàn thành Đề án tái cơ cấu các TCTD, ổn định thị trường tài chính, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các NHTM Nhà nước, hộ nông dân sản xuất cà phê; Chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện triệt để các chính sách về hỗ trợ ngành cà phê đã được đề ra; Cần có chính sách cụ thể hỗ trợ trồng tái canh cây cà phê như Ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ kinh phí, hoàn thiện quy trình kỹ thuật, đào tạo cán bộ quản lý; Chính phủ cần có cơ chế đặc thù cho cây cà phê ở Tây Nguyên.

#### ***Đối với Ngân hàng nhà nước tỉnh Đắk Lắk***

Hỗ trợ cho Ngân hàng thương mại và các TCTD về chính sách trong NN - NT, triển khai cụ thể các quy định, thông tư của NHNN kịp thời; Tăng cường các biện pháp quản lý tín dụng trong hệ thống ngân hàng; Tăng cường giám sát hoạt động của các NHTM chính thống, hỗ trợ cho các NHTM hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn; Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại có đủ vốn để cung ứng cho các doanh nghiệp thu mua cà phê kịp thời ngay từ đầu vụ theo nhu cầu của người dân; Kết hợp với các ban ngành có liên quan như tòa án, sở địa chính, sở giao thông, trong công tác xử lý nợ.

#### ***Đối với chính quyền địa phương tỉnh Đắk Lắk***

Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về hạch toán, kỹ thuật khuyến nông... cho các nông hộ trồng cà phê để việc sản xuất đạt hiệu quả cao hơn; Phối hợp với các HTX, ban ngành trong việc tìm đầu ra cho sản phẩm cà phê, hỗ trợ trong việc tiêu thụ sản phẩm cho các nông hộ; Các cơ quan bảo vệ và thi hành pháp luật cần đẩy nhanh tiến độ xử lý các vụ án có liên quan đến hoạt động các NHTM; Các Sở nhà đất, Sở giao thông, Sở nông nghiệp, và các ban ngành liên quan khác cần thực hiện nghiêm túc các quy định đề ra, tránh việc khách hàng lợi dụng kẽ hở để lừa đảo, phối hợp các ban ngành với các NHTM trong công tác hạn chế rủi ro và thu hồi nợ.

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÓ LIÊN QUAN ĐÃ CÔNG BỐ**

1. Phan Thị Minh Lý, Nguyễn Thị Hải Yến (2015), *Sử dụng vốn tín dụng đối với hộ trồng cà phê tại huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk*, Tạp chí Kinh tế và dự báo, 08/2015, ISSN 0866 – 7120.
2. Nguyễn Thị Hải Yến (2015), *Chính sách tín dụng với phát triển sản xuất cà phê tỉnh Đắk Lắk*, Tạp chí Kinh tế và dự báo, 05/2015, ISSN 0866 – 7120.
3. Nguyễn Thị Hải Yến, Phan Thị Minh Lý (2016), *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn vay chính thức của các hộ trồng cà phê tại tỉnh Đắk Lắk*, Tạp chí khoa học – Đại học Huế.
4. Dương Minh Ngọc, Nguyễn Thị Hải Yến (2015), *Nâng cao hoạt động tín dụng cho vay sản xuất cà phê tỉnh Đắk Lắk*, Tạp chí Kinh tế và dự báo, 12/2015, ISSN 0866 – 7120.
5. Nguyễn Thị Hải Yến (2013), *Hạn chế rủi ro trong cho vay sản xuất cà phê tại Ngân hàng TMCP Công thương chi nhánh Đắk Lắk*, Đề tài khoa học cơ sở cấp trường.
6. Nguyễn Thị Hải Yến (2015), *Tiếp cận tín dụng ngân hàng của hộ sản xuất cà phê. Trường hợp nghiên cứu tại xã Eaphê, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk*, Đề tài khoa học cơ sở cấp trường.

**HUE UNIVERSITY**  
**COLLEGE OF ECONOMICS**

---

**NGUYEN THI HAI YEN**

**CREDIT BANK FOR  
COFFEE-PRODUCING HOUSEHOLDS IN DAK LAK  
PROVINCE**

**SPECIALITY: AGRICULTURAL ECONOMICS  
CODE 62.62.01.15**

**SUMMARY OF ECONOMICS  
DISSERTATION**

**SCIENCE SUPERVISOR  
ASSOC. PROF. DR. PHAN THI MINH LY**

**HUE - 2016**

The project was completed at: Hue College of Economics

Science supervisor: Assoc. Prof. Dr. Phan Thi Minh Ly

Reviewer 1: .....

Reviewer 2: .....

Reviewer 3: .....

The dissertation was defended at the dissertation review panel of Hue University:

.....

On ..... day month year 2016

Can find this dissertation at the library:

## **PART I**

### **PROBLEM STATEMENT**

#### **2. The urgency of the title**

In recent years, coffee trees have actually created the great and important efficiency in economics as well as society for the people of Dak Lak. In the province area, organizing the coffee production is mainly managed by households. More than 85% coffee area of the people is grown and managed by themselves with the total number of 227,490 coffee-producing households [40], [41]. Sticking with coffee trees, the life of those households is raised significantly. However, the weak infrastructure and level of economic development have made some poor producing households have even more difficulties, especially the resource elements, including the credit capital for the coffee development in household size. Credit capital which is considered as a powerful tool to help producing households out of poverty, plays an important role in increasing the agricultural productivity through the investment in capital goods (Amha, 2000) [49], while allowing farmers to invest in the technical innovation and apply new agricultural technologies in order to increase their efficiency and income (Zeller & Sharma, 2000) [64].

However, the access and use of credit capital, especially the limited bank credit funds from commercial banks which are the healthy capital and have a stimulating effect on the production and development. The subject of the use and usage efficiency of the credit capital has always been the concern of many domestic and international researchers along with managers. Nevertheless, the recently new studies have only stopped in the situation analysis to draw conclusions, or the technical efficiency analysis as the essential purpose. Accordingly, the recommendations have not yet been come from the supply and demand. They are legitimate reasons to implement the research of this dissertation. Stemming from that requirement, we chose the title “*Bank credit for coffee producing households in Dak Lak province*” as the title of this dissertation.

#### **2. Research objectives**

##### **2.1. General objective**

Research the real situation of bank credit for coffee producing households in Dak Lak province and propose primal solutions to improve the efficiency of bank credit for coffee producing households in Dak Lak province.

##### **2.2. Specific objectives**

(1) Contribute to systematize and clarify the rationale and practice of bank credit for coffee producing households.

(2) Assess the bank credit status for coffee producing households on the angles of approach and the use of capital funds in terms of economics and society.

(3) Propose a number of primal solutions in order to improve the access and use of the bank credit capital for coffee producing households in the province of Dak Lak in the future.

#### **3. Objects and scope of the research**

##### **3.1. Research objects**

Research objects of the dissertation are the theoretical and practical issues as well as factors affecting the access to and use of bank credit for coffee producing households in Dak Lak province. Objectives of investigation on the lender side are commercial banks, on the borrower

side are coffee producing households because currently, more than 85% coffee area is grown and managed by people themselves with the total of 227,490 coffee producing households and 15% remaining is managed by some companies.

However, with 26 companies involved in coffee production, such companies did not directly produce coffee but allocated to producing households who are working and retired officials of them. Such producing households are the legal residents in the area managed by these companies. Therefore, there are almost only households directly involved in the coffee production in Dak Lak province.

### **3.2. Research scope**

**- About research content:** The dissertation focuses on the scientific based research on bank credit for coffee producing households; the status of the access and use the bank credit capital for coffee producing households in Dak Lak province; the analysis of factors affecting the ability to access and use capital of coffee producing households; the proposal of solutions to enhance the access and use of bank credit for coffee producing households in Dak Lak province..

**-About time scope:** Secondary data from 2000 to 2014; The survey data focused in 2014; Orientations and solutions to improve the access and use of the credit capital for coffee producing households in Dak Lak province until 2020.

**-About Geographical scope :** In Dak Lak province, focuses on three represented districts and cities as follows: Buon Ma Thuot city, CuMgar, CuKuin, and Krong Pak district.

## **4. The scientific and practical meaning of the dissertation**

### **4.1. The scientific meaning**

Contribute to systematize and clarify the theoretical and practical issues on bank credit for coffee producing households through the access and use of credit capital for coffee producing households. Select the approach, methodology, evaluation indicator system of the bank credit for coffee producing households, in accordance with the current conditions in Vietnam.

### **4.2. The practical meaning**

(1) Assess the status of the bank credit activity for coffee producing households as well as point out the difficulties and shortcomings in the credit activity for coffee producing households in Dak Lak province in the period 2010 - 2014.

(2) Analyse the accessing situation of the credit capital for by coffee producing households on both supply and demand sides; identify factors affecting the access of the credit capital for households.

(3) Measure the usage efficiency of the credit capital for coffee producing households in terms of economics and society. Consider how the loan factor makes impact to the coffee productivity of producing households.

(4) Propose primary solution groups to enhance the effective access and use of credit capital, which is a scientific basis for the reference and application of management agencies, commercial banks and coffee producing households in order to contribute to the completion of the development strategy and objectives of the coffee sector until 2020 as proposed.

## **PART II**

### **OVERVIEW OF RESEARCH SUBJECTS**

#### **1. The bank credit situation for coffee producing households in the world**

Almost authors focus their research on the access and use of the credit capital for producing households. For the aspects of accessing the credit capital, Girma Mamo et al (2015) confirmed that the access of credit capital is not only driven by the income and property but also the elements of the economic and social characteristics of households [72].

Duong and Inzumida (2002), when analysed the bank credit for farmer households, by analyzing the Tobit regression model, the author group have researched on the access to credit for the farmer households in the three provinces of Vietnam and had the conclusions on the key factors affecting the bank credit for the farmer households, including: the total area of arable land, and the value of the cattle and locality. Factors affecting the level of unofficial credit are: The dependency ratio of inhabitants, the total area of arable land [61].

According to Paul Mpuga (2008), there are two main factors affecting the demand for credit, which directly impacts on the credit access of households:

Firstly: Characteristics of individuals and households

Secondly: The attributes of financial institutions affecting the lending or borrowing decisions of households and individuals are the interest rate and loan terms [75].

The research of Ammar Siamwalla et al (1990) when studying the rural credit system in Thailand showed that there must be the intervention by the Government to increase the access of farmer households to credit. The author concluded that the unofficial lending area is competitive despite of the high interest rates and thereby, reflected the cost of credit information remains high. This is due to the difficult methods and approaches to the bank credit, not the scarcity of lending funds [49].

For the study of Diagne Manfred Zeller (1999), the author researched on the bank credit for farmer households by accessing to credit for the farmer households in Malawi, using OLS regression analysis. Hence, the authors came up with factors affecting the level of credit access of people, including the value of land, labour scale, and the price of fertilizers. The author has analysed the adverse and favourable impacts of the factors affecting the level of credit access of farmer households [64].

Similarly, by using the quantitative model, with Tobit regression model, Duong and Inzumida (2002) concluded that the main factors affecting the volume of bank credit for farmer households are: favourable impacts, including the total area of arable land, the value of the cattle and locality, the dependency ratio of inhabitants, the numbers of loan applicants. The main adverse impact is the reputation of households. However, the study only focuses on the credit accessibility of farmer households and almost no topic is focused on the usage efficiency of loans for farmer households. This is the gap in the overall picture of the rural credit market today [61].

According to Mikkel Barslund and Finn (2003), they surveyed 932 households in four provinces in Vietnam, comprised of Long An, Quang Nam, Ha Tay (old) and Phu Tho in the period from 1997 to 2002, to consider and review the rural credit market in Vietnam. Their findings showed that households get the credit capital through two paths, bank credit and

unofficial credit [76].

The aspect of credit capital efficiency, which the authors mentioned under other aspects, is the technical efficiency in the coffee production. The increase in technical efficiency will contribute to raise the economic efficiency of coffee producing households.

The research of Joachim Nyemeck Binam et al. (2003) mentioned the factors affecting technical the efficiency of coffee producing households in Cote Ivoire, by using the Tobit regression model, the author group has demonstrated how to reduce costs, increase yields for coffee producing households. Accordingly, they also recommended the related policies to promote the construction of clubs, the associations of coffee producing farmers, thereby, build the capacity for coffee producing farmers. On the other hand, such policies would encourage the involvement of the public sector in better information provision and workforce management [88].

According to Amadou Nchare (2007) on the analysis of the factors affecting the technical efficiency of Arabica coffee producers in Cameroon, it was said that the profits of coffee producers increased by raising the scale of the coffee production. The results showed that the technical efficiency index was estimated to be 0.896, and 32% of surveyed farmers had the technical efficiency index below 0.91. The analysis also showed that whether the education level of farmers and the credit access was granted are important socio-economic variables affecting the technical efficiency of farmers. Finally, the results proved that the higher yields could be achieved by improving the technical efficiency and this could be done in the coffee production in Cameroon [51].

Meanwhile, Mamo Girma (2015) analysed the determinants of formal participants to the rural credit market for households in Ethiopia and said that the access to rural credit was one of the key factors for the transformation of the rural economy, especially for the mainly self-sufficient agricultural economy. The author also mentioned the micro factors affecting the agriculture. The estimated results revealed that the educational level of the household heads and their active participation in the credit market would decide the success of rural households [72].

Thong Quoc Ho et al. (2013) stated that the assessment of the coffee cultivation and production efficiency could highlight the factors enhancing the technical efficiency. This research has estimated the technical efficiency of the coffee production and determined the factors affecting the technical efficiency of coffee producing farmers in Krong Ana district, Dak Lak province. Based on the random production, the results showed that the elements of the household head level, the number of obtained financial credits, the ethnicity, the coffee farming experience of the household heads, and the agricultural service were important factors which might increase the technical efficiency of coffee production [84].

O.L. Balogun and S.A. Yusuf, (2011) when analyzing the determinants of the demand for credit in the rural households in the Southwest, Nigeria shown that the results of the multivariate model and elements of social capital in the family depend on access to credit and other variables (line of credit & interest) explain the meaning of households in need of access to credit. The author asserted that social factors significantly affect access to credit available from various sources. Therefore, policy makers should be interested in improving the living conditions of households, and this can be seen as a condition for promoting social capital [78].



## **2. The bank credit situation for coffee producing households in Vietnam**

From the researches of bank credit for producing households by studying the credit accessibility of farmer households, the author has pointed out the factors affecting the likelihood of the limited credit for farmer households, including current asset prices, short-term assets original prices, the level of education and the geographical areas where farmers produced [14]. Through employing the OLS regression model and Logit model, Tran Ai The (2009) identified factors affecting the access to bank credit of the aquaculture farm in Tra Vinh, the favourable impacts, such as the age, the education level of the farm owner, the actual farming water surface area ratio, the commercial credit as well as the production costs and income of farms [18].

By analysing the binary Heckman model, Nguyen Quoc Oanh, Pham Thi My Dung (2010) identified factors affecting the access of bank credit for farmer households in the outskirts of Hanoi, the authors concluded that the age, social status of the household head, the unofficial credit, and the lending procedure are factors affecting the credit accessibility of households [24].

Apart from the above-mentioned factors, the empirical evidence has shown a number of other factors affecting the access to credit for Vietnamese households, such as the household income, the members of Unions. The proportion of households experiencing income shocks in a year with the certain loans was often larger than such proportion of households who did not meet any shocks. It is similar to households having members participated in the Women's Union, Farmers' Union. This corresponded to the constant efforts of the Women's Union, in recent times, in order to bring the capital and the economics development experience for members. The credit resources flowing to Vietnamese rural today through the channels of Associations, groups, and unions are also quite popular and favourite for people.

According to Nguyen Ngoc Tuan (2012), in the credit solution for coffee producing households in Dak Nong province, it was said that: "Among coffee producing households in Dak Nong, there were 70% of households lacking from 40-60% of invested capital". The author also pointed out that the bank credit demand for coffee producing households was very high, but the supply was still not enough. So, such households still faced many difficulties in coffee production, the application of lending policies was inadequate, and the loan application method has not yet varied. In this research, the author only focused on the borrower side, as the Bank for Agriculture and Rural Development of Dak Nong province, did not go into details toward the capital users and consider how the impact of capital to the income and livelihood of coffee growing households [35].

Tu Thai Giang (2012) studying the sustainable coffee development also referred to credit policy of banks for coffee producers and suggested that lending activities to households consisted of small loans with high costs, so it needed to associate with the politics - society organizations to lend, raise the responsibility of the borrowers [10].

Similarly, as discussing about coffee producing households, Nguyen Van Hoa (2014) said that there were currently 61.4% of coffee producing households who had the loan demand for production and this percentage tended to increase. However, the access to capital remained difficult because of the complicated lending procedures, the low loan

limits, time consuming, the guaranteed collateral assets, even the attitude of the bank staffs, wasting money with bank brokers. After having the capital, the next difficulty of producing households is the ineffective accounting and using of capitals for people which could likely lead to the unaffordability to the bank [11].

One study of Nguyen Van Phan (2008) on the extension of bank credit to develop the agricultural economics in rural and agriculture of Dak Lak provinces related to various fields and subjects, in relation to coffee producing households, he suggested that the farm development situation should be avoided following the movement. Besides, the agricultural credit with inherent big risks easily results in bad debt [28].

Evaluating the “Bank credit solutions to develop the farm economy in Vietnam” by Ta Thi Le Yen (2003), the author confirmed that credit capital played an important role in developing the farm economy, including coffee farms [45].

Nguyen Thi Tam (2006), in her research of “Bank credit solutions to develop the farm economy in the Central Highland”, has assessed the important role of bank credit capital to the development of the farm economy and found out the shortcomings and problems in the credit policy for the farm economy. She affirmed that bank credit plays an important role in the resolution of land and improvement of the living conditions for ethnic minorities on the spot [29].

Meanwhile, the research by Nguyen Quoc Oanh (2012) on the rural credit system in the outskirts of Hanoi, stated the differences between the rural credit system in the suburbs of Hanoi with other rural areas. Simultaneously, his dissertation has shown these factors affecting the capital accessibility from organizations and individuals as well as the factors affecting the rural credit system in the outskirts of Hanoi [24].

Pham Ngoc Duong (2011), in the research of the income of coffee growing households in the International economic integration process of Vietnam, has indicated factors affecting the income of coffee growing households and quantified such factors, including the productivity, the level of agricultural knowledge, the expenses, and the lending capital. However, the author did not go into the analysis and clarification of how the lending capital could affect specifically to the income and whether the capital approach was important or not [6].

The most recent research is from Nguyen Thi Phuong Thao (2014) on the access to bank credit of Ede ethnic minority households in Dak Lak. In her research, she pointed out the factors affecting the accessing process to credit that were: total household members, the number of main labour, the number of dependent labour, the value of assets, the value of land, the land use right certificate, the income, the shocks households faced, the social position and the geographical characteristics of the living location of households. Additionally, the author also found out the limitations in accessing the credit of Ede ethnic households, including: the lending provisions of credit institutions, drag came from the household itself such as the psychological apprehension, the fear of risk or the environmental obstacles such as infrastructure, geographical distance from households to credit institutions, the lack of information [32].

The new researches have just focused on an angle of the producing households or from the lender side as commercial banks, or only concentrated in the access to credit capital of producing households. There has been almost no research on the analysis the

capital usage in terms of economics and society. So, the study of bank credit on the two aspects as the access and use of credit capital will make the picture of the rural credit, especially the coffee credit complete.

**PART III**  
**RESEARCH CONTENTS AND RESULTS**  
**CHAPTER 1. SCIENTIFIC BASIS OF BANK CREDIT FOR COFFEE**  
**PRODUCING HOUSEHOLDS**

**1.1. Rationale of bank credit to coffee producing households**

**1.1.1. The concept of credit, bank credit for coffee producing households**

*1.1.1.1. The concept of credit*

*1.1.1.2. The concept of bank credit*

*1.1.1.3. The concept of coffee producing households*

*1.1.1.4. The arguments of bank credit for coffee producing households*

*a. The foreign authors' opinions*

*b. The domestic authors' opinions*

*c. The opinions on the title of the bank credit for coffee producing households*

Based on studies of different opinions related to the bank credit and coffee producing households, within the research scope of the thesis, the concept of the bank credit for coffee producing households is understood as follows: *“Bank credit for coffee producing households is the process of accessing and using the credit capital on the economics and society aspects in order to improve the effective capital accessibility and usage for coffee producing households in the future”*

**1.1.2. Features of the coffee sector affecting the bank credit activity for coffee producing households**

**1.1.3. The bank credit contents for coffee producing households**

*1.1.3.1. Supply the bank credit capital for coffee producing households*

*(1) Lending principles*

*(2) Lending conditions*

*(3) Guarantee for the safety of debt*

*(4) Lending limit*

*(5) Lending Interest rate*

*(6) Lending duration*

*(7) Lending process*

*1.1.3.2. The access to the bank credit capital for coffee producing households*

*(4) The credit capital accessibility of coffee producing households*

*(5) The accessible form of the credit capital for coffee producing households*

*(6) The accessible method of the credit capital for coffee producing households*

*1.1.3.3. The use of the bank credit capital for coffee producing households*

*(3) Economic factors in the bank credit for coffee producing households*

*(4) Social factors in the bank credit for coffee producing households*

**1.1.4. Factors affecting the bank credit for coffee producing households**

*(1) The group of factors on the characteristics of coffee producing households*

*(2) The group of factors on the characteristics of commercial banks*

*(3) The group of factors on the policy of the Government*

*(4) Other factors*

## CHAPTER 2

### GEOGRAPHICAL FEATURES AND RESEARCH METHODOLOG

#### 2.1. Overview of natural and socio - economic conditions in Dak Lak Province

2.1.1. *Geographical location, topography, climate, rivers*

2.1.2. *Natural and socio - economic characteristics*

#### 2.2. Research approach and analytical framework

2.2.1. *Research approach*

The dissertation was approached on two contents: 1) The access to the credit from commercial banks and coffee producing households; 2) The use of the bank credit on the socio-economics aspects

2.2.2. *Analytical framework of the bank credit for coffee producing households*

#### 2.3. Research methodology

2.3.1. *Select the research site*

For in-depth study of the bank credit for coffee producing households, we selected three districts and Buon Ma Thuot city which are major coffee production places in Dak Lak province. The primary criteria to select the research site are the coffee production area and the credit scale of commercial banks on those sites.

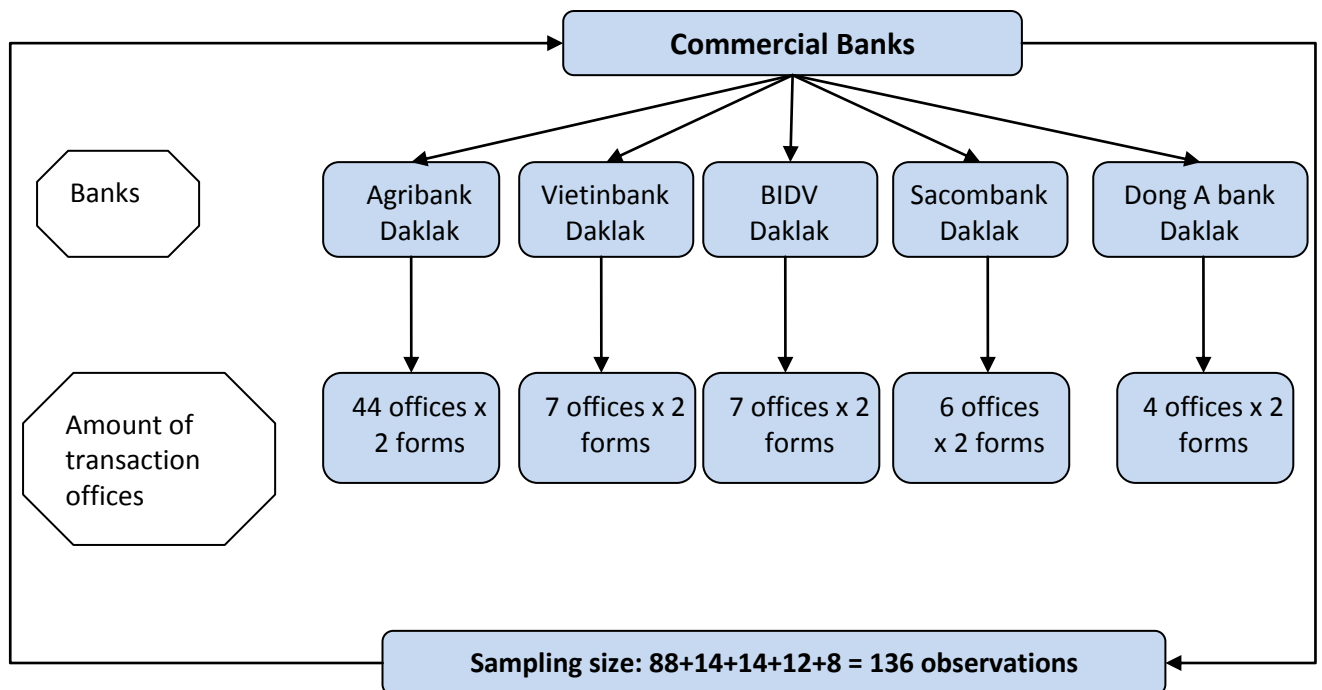
2.3.2. *Methods of collecting information and data*

\* *Secondary information and data*

\* *For primary data*

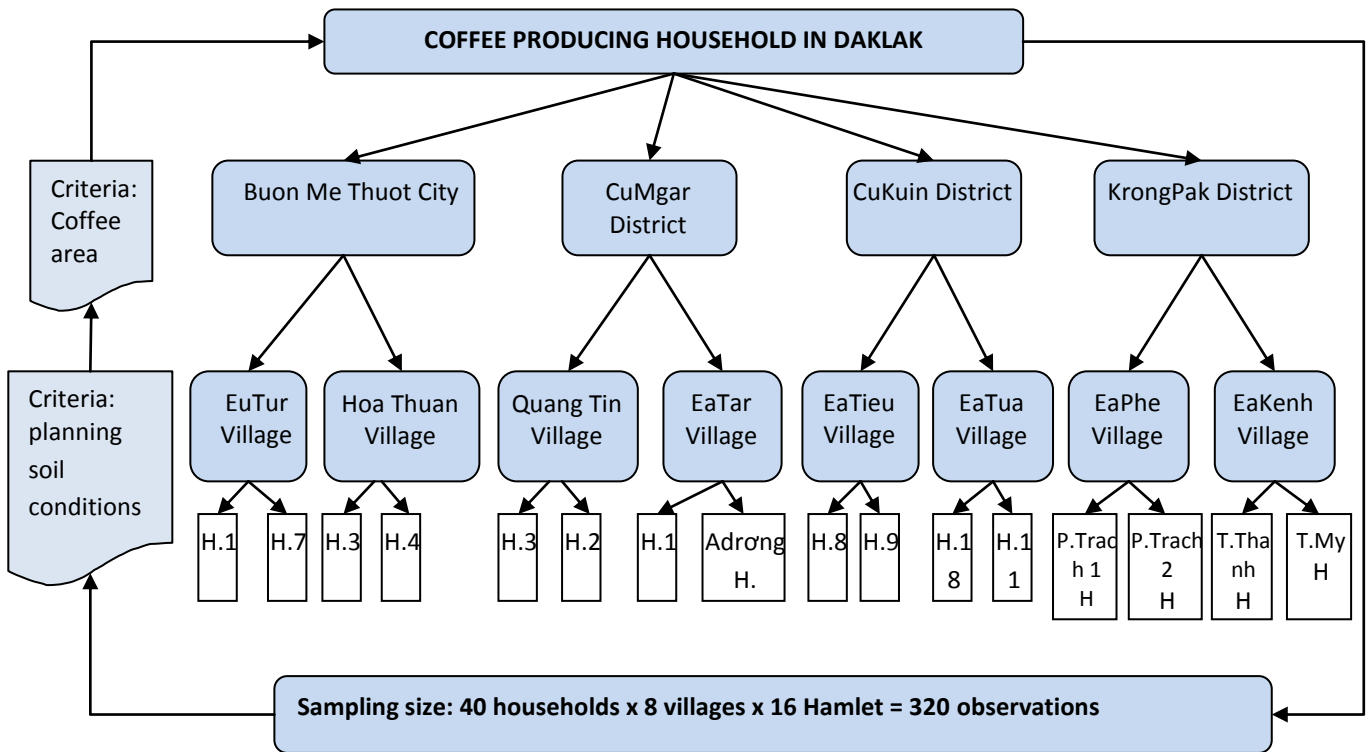
+ On the side of Commercial banks

**Diagram 2.2: The sample size of commercial banks in Dak Lak province for survey**



+ On the side of coffee producing households

**Diagram 2.3: The sample size of coffee producing households in Dak Lak province for survey**



**2.3.3. The method of synthesis and data processing**

**2.3.4. The method of analysis**

*2.3.4.1. The method of economic statistics*

*2.3.4.2. The method of Experts*

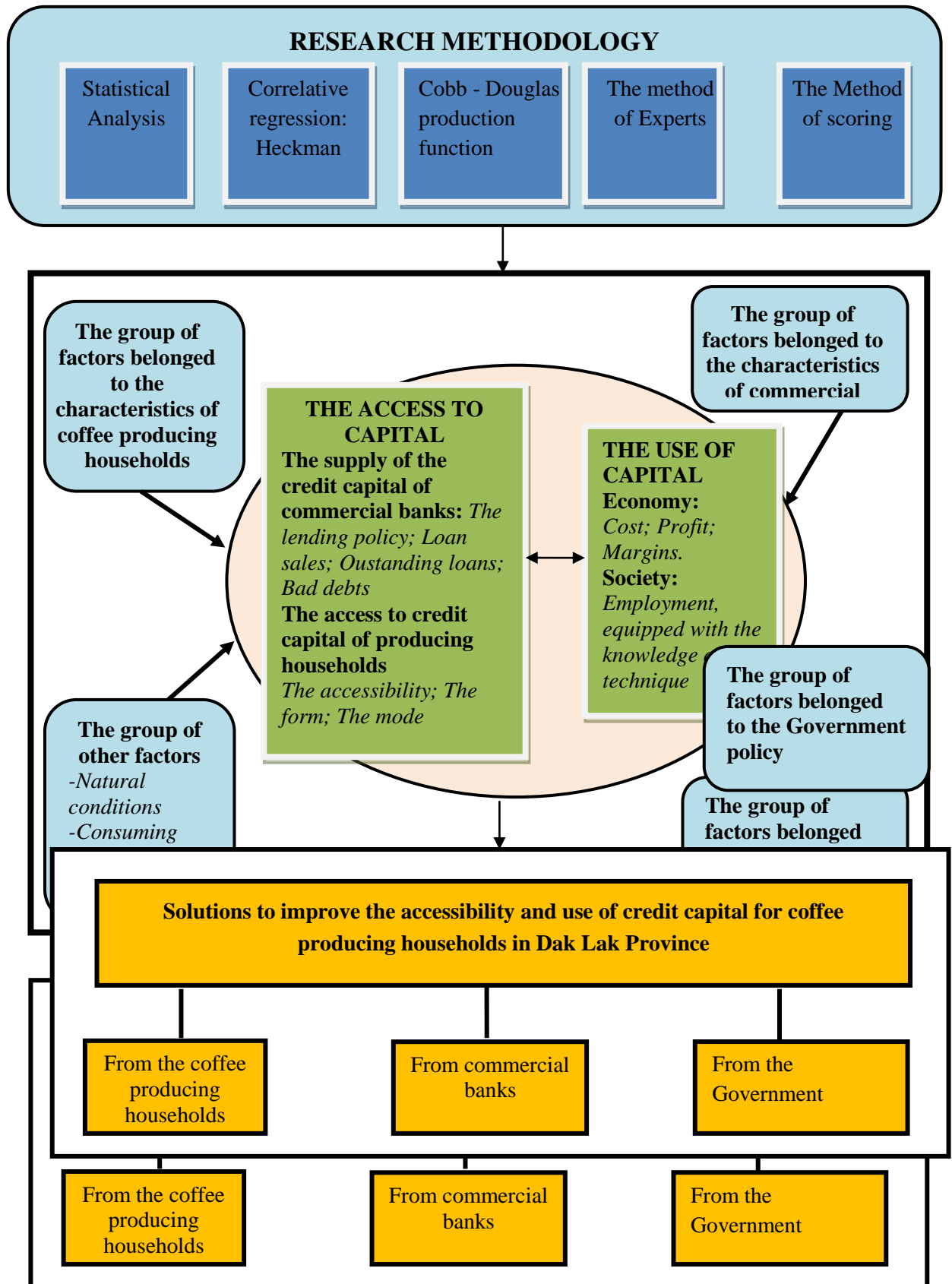
*2.3.4.3. Analytical method of the production function Cobb - Douglas*

*2.3.4.4. Heckman model*

*2.3.4.5. Method of scoring*

**2.4. The indicator system to evaluate the bank credit for coffee producing households**

Research content	Research criterion
	<p><b>1. The access to credit</b></p> <hr/> <p><b>From the commercial banks:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lending policy for coffee producing households</li> <li>- Outstanding loans for coffee producing households</li> <li>- Loan sales of coffee producing households</li> <li>- Bad debts and the bad debt rate</li> <li>- Outstanding loans for coffee producing households/ total outstanding loans</li> <li>- The growth rate of outstanding loans for coffee producing households</li> </ul> <p><b>From the producing households:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- The accessibility to the loans</li> <li>+ The number of eligible households</li> <li>+ The proportion of eligible households/coffee producing households</li> <li>+ The number of eligible households/total households need to borrow</li> <li>+ The ability to meet the demand of the lending capital</li> <li>+ Average outstanding loans/loan limit</li> <li>- Form of access</li> <li>- Mode of access</li> </ul>
	<p><b>2. The use of credit capital</b></p> <hr/> <p><b>On economics views:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Average Loan</li> <li>- Profit</li> <li>- Productivity</li> <li>- The value of output</li> <li>- The profit /cost ratio</li> <li>- The profitability of capital</li> </ul> <p><b>On society views:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Jobs</li> <li>- Skills and knowledge</li> </ul>



**Diagram 2.1: The analytical framework of the bank credit for coffee producing households**



## CHAPTER 3

### THE BANK CREDIT SITUATION FOR COFFEE PRODUCING HOUSEHOLD IN DAK LAK PROVINCE

#### **3.1. The bank credit situation for coffee producing households in Dak Lak Province**

##### *3.1.1. The access to bank credit capital*

##### *3.1.1.1. The supply of bank credit capital for coffee producing households in Dak Lak Province*

##### *\* The lending situation for coffee producing households*

Sacombank Dak Lak and East Asia Bank Dak Lak were two great Commercial Banks which have attended to the lending for coffee producing households. The loan balance to coffee producing households of these two banks has stood at above 50% and even achieved 98% of total loan balance to coffee producing households in some years. This showed that the joint-stock commercial banks have determined their main market is the coffee producing households. Through 5 years, the growth rate of outstanding loans of joint-stock commercial banks block was quite fast, all reached over 300%. Vietinbank Dak Lak and BIDV Dak Lak were 2 out of 5 banks with the large loan balance on average. Next was Agribank Dak Lak which was the bank with the lowest loan balance on average, varied from VND 49.76 to 53.04 million /household, but this was also the bank having the largest number of customers with about 50,000 customers.

Bad debt is considered an indicator reflecting the credit quality of commercial banks. Among 5 surveyed banks in Dak Lak province, only Vietinbank Dak Lak had no bad debt in the lending sector for coffee producing households. It was also the Bank which has operated stability and efficiency in the Dak Lak province till now. Other Banks also had the bad debt ratio under the control with below 3%. This was the threshold that the State Bank provided on bad debt ratio of commercial banks. As of 2014, only Agribank Dak Lak had the bad debt for coffee producing households of over 3%. So, in 2014, Agribank Dak Lak had major changes not only on humans, but also on how to manage, even reduce two transaction offices and more than 100 people to stabilize its business operations. The analysis showed that the lending activity of commercial banks in Dak Lak province was effective in lending coffee producing households

##### *\* The implementation of the lending policy content for coffee producing households*

##### *(1) Lending principals*

When lending coffee producing households, commercial banks should ensure two principles which are using capital for right purposes and repaying the debt according to the schedule. Through the survey of 320 coffee producing households in 4 research sites, the lending purpose of coffee producing households was expressed through the following results:

**Table 3.5: The lending purpose of coffee producing households in the province**

Lending purpose	Krong Pak		CuKuin		CuMgar		Buon Ma Thuot		General average	
	No. of house.	Rate (%)	No. of house.	Rate (%)	No. of house.	Rate (%)	No. of house.	Rate (%)	No. of house.	Rate (%)
1.Basic construction	11	13.75	9	11.25	17	21.25	18	22.50	13.75	17.19
2.Coffee caring for business	41	51.25	34	42.50	46	57.50	47	58.75	42	52.50
3.Re-cultivation	12	15.00	11	13.75	10	12.50	12	15.00	11.25	14.06
4.Other purposes	16	20.00	26	32.50	7	8.75	3	3.75	13	16.25
<b>Total</b>	<b>80</b>	<b>100</b>	<b>80</b>	<b>100</b>	<b>80</b>	<b>100</b>	<b>80</b>	<b>100</b>		

*Source: Summary of survey data conducted and calculated by the author*

*(2) Lending conditions*

The survey results of 194 coffee producing households who had loans at commercial banks showed that the owner's equity accounted for 62.59% of the total production costs of the households. It was entirely appropriate in comparison with the actual situation, because the production cost of coffee growing households has recently increased by 20% compared to five years ago, mainly from labour, water, and fertilizer costs.

However, over 60% the owner's equity of households also revealed the fact that coffee producing households had their large owner's equity capital to meet the lending conditions and ensure repaying terms for banks.

*(3) Guarantee of the loan safety*

The survey results of 194 random households who had loans at commercial banks demonstrated that they were mainly lending households with collateral assets, amounted to 88.14%. While the bank loans were VND 18,569 million only, the value of collateral assets were VND 26.686 million, the ratio of loans/the collateral value was 69.58%. As a result, it indicated that the credit for coffee producing households was guaranteed.

*(4) Lending limit*

According to the current finding, the commercial banks in the province had the maximum loans of 69.58%. Of which, the joint stock commercial banks block, such as Sacombank Dak Lak, East Asia bank Dak Lak lent with the high limit, whereas State-shared own commercial banks as Agribank Dak Lak, BIDV Dak Lak, Vietinbank Dak Lak had the lending limit of only about 50% to 60%. Thus, we could see that the commercial banks in the province lent within the prescribed limit.

*(5) Lending Interest rate*

The commercial banks complied with the Regulations on lending by the State Bank of Vietnam and applied the competitive interest rates in the market.

*(6) Lending duration*

When the loan principal repayment or interest payment are due, if customers do not pay their debts on time and are not extended the loan principal or interest repayment periods or not renewed the loan principal or interest period, the credit institution will transfer the entire debt balance to the overdue debt.

Commercial banks and coffee producing households may agree on the conditions and amount of loan interest, payable fee in the event of early repayment made by customers.

*(7) Lending process*

The commercial banks in Dak Lak province applied the lending process according to the Decision 1627/2001/QD - CP to ensure the independence and clearly define the personal responsibility, the accountability between the appraisal stage and the lending decision.

*\*Factors affecting the decision to grant credit of commercial banks for coffee producing households*

**Table 3.8. Factors affecting the decision to grant credit**

<b>Factor</b>	<b>Average value of factors</b>
Collateral assets	3.80
Information of household head	2.70
The accounting and management ability of the household	3.69
Operational capacity	3.76
Social networks	2.61
Effect of the economy	1.99

*Source: Data processed by SPSS*

The group of collateral assets has the highest average score, followed by the operational capacity, the management level of the household head, the effect of the economy and social relations. The above results showed the important role of collateral assets in lending decisions of commercial banks at present. This was the general conclusion of previous studies on the accessibility of capital of the coffee producing households.

**3.1.1.2. The access to the bank credit capital for coffee producing households**

Table 3.9: Demographic characteristics of the surveyed household groups

<b>Criteria</b>	<b>Unit</b>	<b>Districts and cities</b>				<b>General average / total</b>
		<b>Krong Pak</b>	<b>CuKuin</b>	<b>CuMgar</b>	<b>Buon Ma Thuot</b>	
1.Number of surveyed households	House.	80	80	80	80	
2.The age of household head	Age	49.2	49.21	48.35	45.11	47.97
3.The educational level of household head	Class	7.35	8.3	7.43	8.8	7.97
4.Average person	Person	4.7	5.05	4.4	4.4	4.64
5. Average labour	Person	3.6	3.6	3.05	2.9	3.29
6.Land area	Ha	7.7	11.4	8.2	8.4	8.93
7.Coffee growing area	Ha	7.5	10.1	6	8	7.90
8. Number of experienced year	Year	14.85	13.75	15.65	15.55	14.95
9.Participated in training	%	81.65	80.25	90.75	92.5	86.28

*Source: Surveyed data in 2014*

*\*Accessibility of bank credit capital of coffee producing households*

*a) The number of producing households borrowing the bank credit capital*

**Table 3.9: The number of coffee producers with loans at commercial banks**

Research site	Households with loans		By banks											
			Agribank		Vietinbank		BIDV		Sacombank		East Asia		Other banks	
	Qty	Rate (%)	Qty	Rate (%)	Qty	Rate (%)	Qty	Rate (%)	Qty	Rate (%)	Qty	Rate (%)	Qty	Rate (%)
Krong														
Pak	35	43.75	17	48.57	5	14.29	6	17.14	2	5.71	3	8.57	2	5.71
CuKuoin	47	58.75	12	25.53	10	21.28	8	17.02	7	14.89	7	14.89	3	6.38
CuMgar	55	68.75	13	23.64	11	20.00	10	18.18	9	16.36	8	14.55	5	9.09
Buon Ma														
Thuot	57	71.25	21	36.84	9	15.79	6	10.53	5	8.77	5	8.77	11	19.30
Total	194	60.63	63	32.47	35	18.04	30	15.46	23	11.86	23	11.86	21	10.82

*Source: Surveyed data in 2014*

In total 320 questionnaires at four research sites, the number of households with loans was 194, accounting for the ratio of 60.63%.

*b) The borrowing demand for bank credit capital of coffee producing households*

Among 126 households with loans, 61.90% of households had the borrowing demand for credit capital from commercial banks, but they have not accessed to such a capital for various reasons. The number of remaining households with the proportion of 38.10% did not have the demand for bank credit capital due to their wealthy families, or other accessible sources. The above data showed that the demand for bank credit capital in rural market is huge, so Dak Lak credit market was considered the potential market.

*c) The ability to meet the demand of credit capital for coffee producing households*

The ability to meet the demand for loans by commercial banks is quite high, Sacombank Dak Lak and Sacombank Dak Lak had the rate of above 0.9 (meanwhile, the standard rate to meet the borrowing demand is 1), followed by commercial banks with State-owned Capital, Dak Lak BIDV and Dak Lak Vietinbank of 0.7. Other banks also had the high rate, of above 0.8 and at the bottom was Dak Lak Agribank of 0.61. Through analysis, it was showed that the ability to meet the demand for loans has not reached 1, still 0.185 of demand has not been met yet. The ability to meet the demand for loans depended largely on the capital mobilization and characteristics as well as the operation strategy of commercial banks.

To see more clearly the access to bank credit capital for coffee producing households in the province, as well as the factor affecting the accessibility of coffee producing households, the author used the Heckman model to assess the accessibility of the bank capital for the coffee producing households in Dak Lak province and found the following results:

**Table 3.11: The results of the first-step analysis on the accessibility of bank credit capital for coffee producing households**

No.	Variables	Symbol	Coefficient	t-Statistic	Prob.	Meaning
1	Other credits	Other credits	-0.0878	-2.4616	0.0144	**
2	Educational level	Educational level	0.0006	0.1068	0.9149	NS
3	Procedure	Procedure	0.3170	9.6703	0.0000	***
4	Red book	Redbook	0.2031	5.5840	0.0000	***
5	Gender	Gender	0.2398	6.4465	0.0000	***
6	Age	Age	-0.0036	-2.3029	0.0219	***
7	Position	Position	0.0520	0.8208	0.4124	NS
8	Nation	Nation	0.2960	8.8168	0.0000	**
	Freedom coefficient	C	0.3597	3.3137	0.0010	
	Value of R <sup>2</sup>				0,56	

*Source: The survey and research results of the author in 2014*

**Notes:** \*\*\* Have the statistical meaning at 1%      NS Do not have the statistical meaning  
 \*\* Have the statistical meaning at 5%

Results of the regression analysis showed that there are six meaningful factors affecting the accessibility of formal loans for households. These factors are: Other credits, procedures, the red book, gender, age and nation.

In the second step, regression analysis results displayed that variables affecting significantly the credit line are: Area, interest rate, purpose, income and collateral assets.

**Table 3.12: The results of the second-step analysis of the Heckman model**

No.	Variables	Coefficient	t-Statistic	Prob.	Meaning
1	Area	0.000245	2.022645	0.0440	**
2	Interest	2.081359	8.318708	0.0000	***
3	Purpose	6.171040	2.670071	0.0080	***
4	Occupation	0.711392	0.283934	0.7766	NS
5	Income	0.193555	2.167038	0.0000	***
6	Educational level	0.310559	0.797158	0.4260	NS
7	TSTC	5.068749	2.175329	0.0304	**
	C	-20.33642	-4.580717	0.0000	
	Value of R <sup>2</sup>			0.77	

*Source: The survey and research results of the author in 2014*

**Notes:** \*\*\* Have the statistical meaning at 1%      NS Do not have the statistical meaning  
 \*\* Have the statistical meaning at 5%

Over the two regression steps of the Heckman regression model, the factors greatly affecting the accessibility of loan for farmer households are:

The first is the collateral assets. This is a major barrier to the accessibility and the scale of official loans. The high building of borrowing limit and unsecured loans in agriculture are the necessary jobs so that the agricultural producing households can access to formal loans.

The second is the lending procedure. Currently, the procedure from the bank credit institutions has still had many shortcomings with cumbersome steps.

The third is the educational level. As a matter of fact, with the limited educational level, farmer households are difficult to build an effective and highly persuasive business plan.

The fourth is the borrowing purpose. In the borrowing process to serve the process of coffee production, the households have to show their purpose of borrowing. If their loans are to take care of the coffee business, the access will be faster and easier. If their loans serve other purposes such as new planting, replanting of coffee, the loan process will take longer and require more conditions.

The fifth is the interest rate. Although the interest rate of bank credit capital is considered lower than the unofficial credit sources, coffee growing households should be eligible with the collateral assets to access this capital type.

The remaining factors such as the income, social position, area, nationality also have contributed to increase their accessibility to bank credit. Therefore, coffee producing households with high income level, premium social position and King ethnicity can access the bank credit capital easier. Otherwise, it is more difficult for them to access the capital without such conditions so there should be a proper mechanism for matching each object to ensure the fairness for coffee producing households as well as the sustainable and stable development.

**\*The form of access**

The survey from the actual data showed that there was mainly the direct loan form to each coffee producing household in Dak Lak province.

Table 3.13: Forms of access to the credit capital of the conducted household group

Description	Krong Pak		CuKuoin		CuMgar		Buon Ma Thuot		General average /household
	No. of house.	Rate (%)	No. of house.	Rate (%)	No. of house.	Rate (%)	No. of house.	Rate (%)	
<b>Direct access</b>	30	90.91	43	97.73	50	96.15	54	100	96.72
<b>Indirect access</b>	3	9.09	1	2.27	2	3.85	0	0	3.28
-Through group:	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0	0.00
-Through enterprises	3	9.09	1	2.27	2	3.85	0	0	3.28
<b>Total</b>	<b>33</b>	<b>100</b>	<b>44</b>	<b>100</b>	<b>52</b>	<b>100</b>	<b>54</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

Source: Survey Results in 2014

Currently, more than 90% of coffee producers access to capital in this form, in the city of Buon Ma Thuot the rate for direct loans up to 100%, followed by 97.73% Cu Kuoin district and finally Krong Pak 90,91%. However, the form of direct access to capital will make it difficult for banks, when the peak time of the coffee crop production has caused overcrowding, the accordingly disbursement schedule for the producers does not keep up .

**\*The approach of access**

**Table 3.14: The approach of access to credit capital for the conducted household group**

Description	Krong Pak		CuKuoin		CuMgar		Buon Ma Thuot		General average/ household
	No. of house.	Rate (%)	No. of house.	Rate (%)	No. of house.	Rate (%)	No. of house.	Rate (%)	
<b>Lending by time</b>	31	93.93	42	95.45	49	94.23	50	92.59	93.99
<b>Lending by investment project</b>	2	6.07	2	4.55	3	5.77	4	7.41	6.01
<b>Total</b>	<b>33</b>	<b>100</b>	<b>44</b>	<b>100</b>	<b>52</b>	<b>100</b>	<b>54</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

Source: Survey Results in 2014

The approach of access to credit capital for coffee producing households in Dak

Lak province is for each lending time, reached over 90% for all research sites. At the research sites, there had still arisen approach of lending by investment project, but the number of coffee producers borrowed under this approach was still limited with the proportion of below 10%. Hence, to reduce the cost and the workload related to procedures and paperworks in the loan applications of commercial banks in the near future, it should be focused on lending by investment project.

### 3.1.2. The use of bank credits capital for coffee producing households in Dak Lak province

#### 3.1.2.1. Regarding the economy

\*Average loans and loan rate of the coffee producing households

**Table 3.15: The rate of lending capital/investment capital of coffee producing households**

Unit: VND 1,000

Criteria	Research sites				General average
	Krong Pak	CuKuin	CuMgar	Buon Ma Thuot	
1. Investment capital	65,847	64,863	62,517	64,733	64,490
2. Lending capital	38,200	38,200	38,200	38,200	38,200
3. The rate of lending capital/ investment capital (%)	58.01	58.89	61.10	59.01	59.23

Source: Summary of survey data conducted and calculated by the author

\* Usage efficiency of credit capital for coffee producing households in the province

**Table 3.16: Usage efficiency of credit capital for coffee producing households**

Unit: VND

1,000

Criteria	Unit	Krong Pak	Cu Kuin	Cu Mgar	Buon Ma Thuot	General average
Productivity	Kg of dried kernel/ha	2,712	2,723	2,745	2,744	2,731
Average selling price	VND 1,000/kg	35	35	35	35	35
The output value	VND 1,000	94,920	95,305	96,075	96,040	95,585
Total costs	VND 1,000	65,847	64,863	62,517	64,733	64,490
Profit	VND 1,000	29,073	30,442	33,558	31,307	31,095
Profit margin/cost	%	44.15	46.93	53.68	48.36	48.28

Source: Summary of survey data conducted and calculated by the author

Survey results showed that the number of households without loan demand accounted for the low rate (38.10% of all households without credit loans). At the same time, the test results of t-test showed that there is difference in productivity between the 2 household groups, with loans and without loans. Investment cost among 3 household groups also differed significantly and the profit margin of the group with capital are much higher than the one without capital for production [Appendix 16].

**Table 3.17: Comparison of the usage efficiency of credit capital on demand**

Criteria	Unit	With credit loans	Without credit loans	
			Having the demand but cannot lend	Having no lending demand
Productivity	Kg of dried kernel/ha	2,731	25,134	28,562
The output value	VND 1,000	95,585	79,503	101,589
Total costs	VND 1,000	64,490	60,410	66,492
Profit	VND 1,000	31,095	19,093	35,097
Profit margin/cost	%	48.28	31.61	52.78

Source: Summary of survey data conducted and calculated by the author

To find more information on whether the use of credit capital for coffee producing households in Dak Lak province is effective or not, the author employed the Cobb - Douglas regression function to assess the bank credit capital which affects the productivity of raw coffee for coffee producing households.

**Cobb-Douglas function was used to research with the following results:**

$$\ln NS = \beta_0 + \beta_1 \ln TRINHDO + \beta_2 VAYVON + \beta_3 \ln NT + \beta_4 \ln LD + \beta_5 \ln TS + \beta_6 PB + \beta_7 KH + \beta_8 HDTT + \beta_9 CAPHE + \varepsilon$$

**Table 3.18: Regression results of factors affecting the coffee productivity**

No.	Variable	Coefficient	t-Statistic	Prob.	Meaning
1	Freedom coefficient	-0.571530	-5.060442	0	
2	Coffee type (1-Robusta coffee; 0-Tea coffee)	0.072173	2.005289	0.0458	**
3	Loans (1-yes; 0-no)	0.042791	2.405293	0,0167	**
4	Educational level	0.048384	1.988512	0.0476	**
5	Fertilizer	0.650286	17.00164	0.0000	***
6	Irrigation water	-0.025279	-1.068611	0.2861	NS
7	Labour (working days)	0.025200	1.064543	0.2879	NS
8	Climate (1-rational; 0-irrational)	-0.039509	-1.992684	0.0472	**
9	Consuming contract	0.001375	0.076988	0.9387	NS
10	Collateral assets	-0.010452	-0.698683	0.4853	NS

Source: Survey and research results of the author in 2014

**Notes:** \*\*\* Have the statistical meaning at 1%      <sup>NS</sup> Do not have the statistical meaning  
 \*\* Have the statistical meaning at 5%

$$R^2 = 0,5502$$

From the results of running models, we came up the regression model:

$$\ln NS = -0,5715 + 0,0484 \ln TRINHDO + 0,0428 VAYVON - 0,0395 KH + 0,6503 \ln PB + 0,0722 CAPHE$$

Thus, the productivity of raw coffee of the coffee producing households depends on: the educational level of the household, lending capital, climate, fertilizer, coffee type, in particular:



The educational level has the meaning level of 5%, suggesting that the adoption of farming techniques greatly affects the coffee productivity.

The lending capital has the meaning level of 5%, suggesting that the households with loans will invest more for coffee and contribute to enhance the productivity for coffee growers.

The climate of the province greatly influences on the productivity and investment cost of producing households with the meaning level of 5%.

The fertilize has the meaning level of 1% and true with the expected mark.

The type of coffee affects the coffee productivity of the household with the meaning level of 5%.

The regression model results showed that:

$R^2 = 0.5502$ , the model expressed that the independent variables explained 55.02% of the change of the dependent variable be due to the productivity

The meaning of the parameters:

$\beta_1 = 0.0484$  said that, in the case of other factors in the model do not change, when the production level of the household increases by 1%, the productivity will rise to 0.0484%.

$\beta_2 = 0.0429$  said that the Bank loans will increase the productivity up to  $e^{0.0429}-1$  (0.043834) time compared to households without loans

$\beta_7 = -0.0395$  is the elasticity coefficient of output with the climate of the region, said that, in the case of other factors in the model do not change, if the rain will decrease less than 1%, the productivity will reduce  $e^{-0.0395}-1$  (-0.03873) time.

$\beta_6 = 0.6503$  is the elasticity coefficient of productivity with the used fertilizers, said that, in the case of other factors in the model do not change, when the fertilizer increases by 1%, the productivity rise to 0.6503%.

$\beta_9 = 0.0722$  is the elasticity coefficient of productivity with the coffee type, said that, in the case of other factors in the model are unchanged, while Robusta coffee is cultivated, the productivity will increase  $e^{0.0722}-1$  (0.07487) time compared to the tea coffee growing households.

For workdays, consuming contracts, watering and collateral assets, they all have no statistical meaning for the raw coffee productivity of coffee producing households.

Wald test showed that the model fitted, without excess or shortage phenomenon of important variables [Appendix 11].

Thus, the coffee production of the households depends on many factors, such as the production level, loan, type of coffee, climate, and fertilizer. In which, the credit capital is the factor that plays an important role in the coffee production efficiency of households. The households with credit loans will invest more for their garden resulting in higher output and productivity. Results test of t-test showed the significant differences between the productivity of 2 household groups (the productivity of households with bank loans is much higher than the remaining groups) [Appendix 16].

### 3.1.2.2. Regarding society

*\*Create employment in the agricultural sector*

**Table 3.18: Movements of Coffee labour in the agricultural in Dak Lak province**

Year	Total labour (person)	Number of Labour in agriculture (person)	Number of coffee Labour (person)	Percentage of coffee labour in the agriculture labour (%)	Percentage of coffee labour in total labour (%)
2010	95,4090	757,383	296,557	39.16	31.08
2011	98,1270	762,913	308,181	40.40	31.41
2012	100,6103	769,816	351,321	45.64	34.92
2013	1,048,201	804,364	364,507	45.32	34.77
2014	1,068,612	814,777	385,692	47.34	36.09

*Source: Dak Lak Department of Statistics 2014*

After five years, the proportion of the coffee labour to the total labour and total agriculture labour tended to increase steadily over the years. Accordingly, the proportion of the coffee labour to the agriculture labour was 43.43% , 47.95% in 2009 and 2013, respectively. And the proportion of coffee labour compared to total labour was 33.94% , 41.82%, respectively, in 2009 and 2013. With the above data, the coffee industry in five years has attracted an enormous amount of labour, not only met demand for jobs in the province but also attracted a large amount of labour from the Central and the North to Dak Lak to find jobs with the relatively high labour cost, ranging from VND 120,000 to 150,000/labour in each coffee harvesting season from October to December.

*\* Equipped with knowledge and technique for farmer households*

**Table 3.19: Coffee production situation with the sustainable certificates in Dak Lak**

Criteria	Number of house.	Area (ha)	Output (ton)	Average area (ha/household)	Average productivity (100kg/ha)
4C	32,706	43,802	141,447	1.34	32.29
Utz certified	12,937	17,446	55,840	1.35	32.01
Rainforest Alliance	3,823	6,143	23,793	1.61	38.73
Fair trade	214	417	1,631	1.95	39.11
Total	49,680	67,808	222,711	1.36	32.84

*Source: Department of Agriculture and Rural Development in Dak Lak province in 2014*

According to the survey data conducted in the research sites, the proportion of coffee producing households who received training and education is high, in which CuMgar is the district with the highest number of trained households up to 66.15%. For the rest research sites, the proportion of trained households were above 50%, this is an encouraging result in helping farmers improve their technical and accounting capabilities in coffee production. As a result, in the granting of credit for coffee producing households, the households who were already experienced the certified training and education process will help the disbursement and after-lending management of State-owned commercial banks be better.

### 3.2. Analysis of factors affecting the bank credit activities for coffee producing households

#### 3.2.1. The group of factors about the characteristics of coffee producing households

##### 3.2.1.1. Accounting and management capabilities of producing households

Accounting and management capabilities of the household head largely depend on the educational level. Survey results of farmer households showed that 9.38% of the agricultural labour force was illiterate. They were mainly on the secondary schooling grade, accounting for 45.31% while the labour on the high schooling grade had the relatively low proportion of 20.94%. Labour in limited level of education is the factor that hinders the access to and use of credit capital as well as the application of technological advances in coffee production of producing households.

Besides, the management and accounting capabilities of the household head are not only reflected in the cost calculation and the reasonable usage of capital investments and loans but also expressed in the access to agricultural market information such as the decision on which customer to sell products for and when to sell. This is the important factor in determining the production efficiency of the coffee producing households.

**Table 3.21: Opinions about the accounting and credit capital management capabilities of the household head**

Content	Proportion (%)
<b>I. Opinions of 136 credit staffs about the loans management of producing households</b>	
<i>1.The accounting capability</i>	
Due to the low educational level of the household head	63.97
Because the household head has no experience in the coffee production	25.00
Because the household head has not been trained in the manufacturing and trading field of coffee	11.03
<i>2.The operational ability</i>	
The production option of the household is not feasible	55.15
The household has no assured product consumption resource	44.85
<b>II. Opinions of 194 households with the credit loans</b>	
105 households often sell coffee with the unexpected price	54.12

*Source: Summary of survey data conducted by the author*

Table 3:21 reflected that the accounting and management capabilities of the coffee producing household head affected the access to and use of the bank credit capital. The above results expressed that there is a need for appropriate policies to improve the accounting capability and operational ability of the producing households as well as the price policies to mitigate the risk for producing households and commercial banks.

##### 3.2.1.2. Land for Coffee growing of producing households

Land for coffee growing of producing households is considered the collateral assets for bank loans in the case the coffee cultivated land must have the certificate of land use rights.

Survey results showed that coffee growing area which had not been granted the land use right certificate was relatively high, the mortgage ability of coffee producing households in Dak Lak province coffee had troubles and the proportion of granted coffee

producing households with the land use right certificates only reached 65.23%. The causes of not granting land use right certificates to producing households comprised of both subjective and objective reasons. Among such causes, the administrative procedure was one of the important causes.

#### 3.2.1.4. Other credits

Through analysis, other current credits was found to be still popular for people while the form of bank credit remains open for this markets and the access to bank credit capital for coffee producing households are still facing many difficulties.

### **3.2.2. The group of factors belonged to characteristics of commercial banks**

#### *3.2.2.1. The organization of the Bank*

Physical facilities of the Banks still face many difficulties. Their branches, transaction offices usually base at the Centre and the city. Consequently, it is hard to deploy lending in communes and areas as well as the credit management is limited. Even Agribank Dak Lak with up to 67 branches and 164 transaction offices still faces obstacles in the debt management.

The relationship and coordination of local authorities are not very close resulting in taking much of time and many procedures to resolve the incurring debts and bad debts.

#### *3.2.2.2. Quality of human resources*

The above results showed that the Banks should not only care about the business results but also pay more attention to training their credit employees in both profession and ethics in order to bring the satisfaction to the customers.

#### *3.2.2.3. Lending policy*

In Dak Lak province, commercial banks applied the lending rules in accordance with the lending regulations 1627/2001/QD - CP. The commercial banks will issue the specific procedures for themselves. Currently, the commercial banks have mainly applied the direct lending form to every coffee producing household. Therefore, the producing households will benefit from not paying any incurred expenses, except for the interest rates of commercial banks. However, this way will also create difficulty for commercial banks in the busy season because the disbursement schedule for coffee producing households will be delayed during this period.

### **3.2.3. The Group of factors of Government policy**

#### *3.2.3.1. Results of loans to reduce post-harvest losses of agricultural products and seafood*

Until 2014, it has not yet incurred this loan type at the Bank of Agriculture and Rural Development in Dak Lak province. The reason was that the specified type of machinery and equipment in the list had the too high price compared to other machines with the same type and function. Concurrently, the coffee production in Dak Lak province still has a small scale. Presently, the whole province has about 180,500 coffee producing households, but more than 85% of the area is grown and managed by farmers themselves. According to the statistics of the Department of Agriculture and Rural Development in Dak Lak province, the number of households with the production scale of under 0.5 hectares accounted for about 35%, from 0.5 ha to 1 ha occupied for about 34%, from 1 to 2 ha accounted for about 24% and more than 2 hectares of only 7%. Thus, people have no need for the construction of warehouses and drying ground with often up to 1,000 m<sup>2</sup> scale.

#### *3.2.3.2. Results for loans to procure coffee for the temporary storage*

The achieved result was due to the fact that there were 05 enterprises, which were assigned a quota to buy coffee for the temporary storage, in Dak Lak including 02 enterprises in Dak Lak Province (Daklak Investment Export-Import Joint Stock Company and 2/9 Export-Import One Member Limited), 02 enterprises of Vietnam Coffee Corporation (Central Highlands Investment Export-Import JSC, Duc Nguyen Joint Stock Company), 01 non-state enterprises (Thai Hoa Buon Ma Thuot Joint Stock Company).

#### *3.2.3.3. Results for loans to replant coffee trees in the Central Highlands*

Although the loan program to replant coffee trees has recently been implemented, it achieved initial results due to the close direction of the departments and committees. Accordingly, by September 2013, the bank for Agriculture and Rural Development in Dak Lak province signed principal contracts with customers for the amount of VND 195 billion to invest into replanting 976 hectares of coffee. Until now, this contract has been disbursed of VND 109,855 million, accounting for 56.33%. In which, the main customers are households with up to 59 households but amount of enterprises are only 7.

#### **3.2.4. Other factors**

##### *3.2.4.1. Natural conditions*

Dak Lak province has the largest arable land for coffee in the country. Total coffee growing land area of the province in 2013 was ha 181,960, accounting for 34% of the total coffee growing land area of the country and 38% of the coffee growing area of the Central Highlands (Annex 14). Coffee grown on Bazan land accounted for 91% of total coffee cultivation area, 74% and 75%, respectively, of the Central Highlands region and the whole country. This advantage has helped Dak Lak province form and develop its coffee region to become the largest centralized and specialized coffee area in Vietnam.

Currently, in Dak Lak, coffee trees are only suitable to plant in districts like Cu Mgar, Krong Pak, Buon ho, Cu Kuin, Ban Me Thuot city, etc. and there are unsuitable areas such as Buon Don, Ea Sup, MaDrak. Therefore, there is a need of suitable planning and development policies accordingly.

##### *3.2.4.2. Consuming market*

The consuming market has a strong impact on the production and the price of coffee. Although Vietnam has been now the second exporter of coffee in the world, we are not yet active in the market, including the domestic consuming market. The 2010-2011 season was the bumper crop also with the good price of Dak Lak province. The price of coffee began to increase due to the procurement and temporary storage policies implemented in 2010. The purchase price of raw coffee by the bucket in the province was VND 43,148/kg, 69.39% higher than the previous crop season. The highest purchase price was VND 51,400/kg at the end of May of 2011, the lowest purchase price was VND 28,600/kg at September of 2010. This indicated that coffee producing households would benefit from the credit policy of the State if there were the timely policies to support the credit capital in coffee consumption.

##### *3.2.4.3. Other factors*

They are the stability of the economy, namely inflation, changes in the base rate ... And then are the political and legal environment which all affect to bank credit operations for the coffee producing households of commercial banks. If these factors are stable and invariable, not constantly changing, not only banks but also customers would be felt assured in the production and business.

**CHAPTER 4**  
**ORIENTATION AND SOLUTIONS TO IMPROVE THE ACCESSIBILITY AND**  
**USE OF BANK CREDIT CAPITAL FOR COFFEE PRODUCING HOUSEHOLDS**  
**IN DAK LAK PROVINCE**

**4.1. The foundations**

*4.2. Orientations*

- Promoting the role of bank credit forms and confirming its leading role in the rural credit market
- Using the credit capital of the coffee growing households has to ensure both economical and social efficiency
- Credit activities in the rural area need to have the close coordination between the credit institutions and the local government
- Credit activities in Dak Lak in special and in Central Highlands, in general, should be combined with other socio-economic objectives

*4.3. Solutions to improve the accessibility and use of bank credit capital for coffee producing households in Dak Lak province*

**4.3.1. From the side of coffee producing households**

- (1) Improving the accessibility of information on rural credit*
- (2) Improving the accounting capability in the coffee production*
- (3) Encouraging the households to produce coffee sustainably to be certified*

**4.3.2. From the side of commercial banks**

- (1) Completing the lending procedures for coffee producing households*
- (2) Enhancing the professional level of staffs in commercial banks*
- (3) Improving the quality of appraisal as well as preventing and handling overdue debts*

**4.3.3. From the side of the State and authorities**

- (1) Promoting the deployment and implement of the credit policy in order to serve the development of the agriculture and rural of the Government*
- (2) Need to establish the insurance fund for exporting coffee*
- (3) Completing the procedure to grant the certificate of land use right*
- (4) There are policies to support the investment and production on the scale of cooperation and association of coffee producing households*
- (5) Issuing the reasonable fixed rate of coffee products for coffee producing households*
- (6) Improving the quality of agricultural extension*

**CONCLUSION AND RECOMMENDATIONS**

**Conclusion**

The research of the bank credit activities for coffee producing households is the process of access and use credit capital for coffee producing households in order to improve the accessibility of bank credit capital for coffee producing households as well as help coffee producing households to use the credit capital more effectively in the future.

The access to credit capital is expressed in two angles: i) Provision of credit from commercial banks, represented by the lending policies, loan sales, loan balances and bad debt rate of commercial banks for coffee producing households; ii) From the side of coffee producing households, including: the accessibility of loans, lending forms and lending

approaches for coffee producing households. The access to credit capital associated with the use of credit capital for coffee producing households.

The use of credit capital was studied in two aspects of economy and sociality: i) Regarding the economy, it was expressed through the productivity, output value and profits of the producing households; ii) Regarding the society, it is a matter of improved jobs, skills and educational level of the producing households.

Based on researching of experience relating to the bank credit for producing households in a number of leading countries in the field of producing and exporting coffee in the world, the author has drawn the experience lessons in credit activities of banking for coffee producing households, as follows: i) Expand the network of credit institutions in order to facilitate farmer households to access the credit capital; ii) Supply of bank credit capital has to associate with sustainable coffee development policy; iii) Enhance the accounting capacity, productivity and labour quality of producing households; iv) Strengthen the preferential loans to invest in coffee production; v) Regularly organize the discussions and dialogues with the Coffee Association, Business Association to unfreeze the inflow capital to the coffee business.

Bank credit for coffee producing households in Dak Lak province was expressed in the following aspects:

Regarding the access to credit capital i) With 194 households with loans, accounting for 60.63%, the accessibility of credit capital in the coffee production development was limited. When asked, all coffee producing households wanted to borrow capital to invest for the coffee production, but was unable to access due to many barriers; ii) For the direct form of the capital access, more than 90% of coffee producing households in the survey accessed the capital through this form while there still existed the form of corporate loans in research sites due to the current coffee companies locating in the districts; iii) The method of the credit access for coffee producing households in Dak Lak province was lending for each time, at the rate of 90%. This lending method will be difficult for coffee producing households with many regulations and procedures of the banks as the producing households want to borrow again, they will have to redo the procedure as lending a new loan.

Regarding the use of credit capital for: i) The average investment cost per 1 hectare of coffee business over 64 million/ha showed that people in the province invested heavily in their gardens and the rate of loans for the investment capital was still high, around 59%. Therefore, the investment capital of people was still deficient; ii) The income of coffee producing households at research sites are considered relatively high compared to other districts in the province; after deducting expenses and depreciation, the coffee producing households still reached the profit over VND 31 million/ha. It is for households having coffee at the productive period. Otherwise, If coffee was old, it would be difficult to ensure the stable income.

Through analysis of Heckman model on the accessibility of bank credit capital for coffee producing households, it revealed that the access to capital was influenced by the factors of the household nature and the factors belonged to commercial banks. With the two-step regression analysis of the Heckman model, the factors that greatly affect the credit accessibility of the farmer household comprise of: The first is the collateral assets, which is the biggest barrier to the accessibility and scale of bank credit funds. The second

is the loan procedure; the current capital lending procedures of commercial banks still had many shortcomings with cumbersome steps. The third is the income; with the low income level, farmer households are hard to have the repayment plan and reserve for their family.

In addition, there are other factors such as area, interest rate, purpose and income of coffee producing households. Evaluating the usage efficiency of bank credit capital with the Cobb-Douglas model has shown the factors affecting the productivity of the coffee producing households, including the educational level of the household head, loans, climate, fertilizer and type of coffee. Through the above conclusion, the credit capital has significantly impacted on the current productivity of coffee producing households.

The major factors affecting the bank credit for coffee producing households in Dak Lak province include: i) The group of factors belonged to the characteristics of producing households such as the management and accounting capabilities of the household head, the collateral assets and other credit forms affecting the bank credit activities for coffee producing households, and this is the most important factor group; ii) The group of factors belonged to the characteristics of the commercial banks as the organization, the personnel quality, lending policies, including lending procedures by commercial banks with a strong impact on the access to and use of credit capital for coffee producing households; iii) The policy of the Government, including the credit policies as Decrees on agricultural and rural lending, the supportive policy of purchase for temporary storage of coffee, the policy to reduce post-harvest losses and to replant coffee which all had a positive impact on contributing to improve prices, support for producing households in term of production materials, investment capital, technique as well as enhance the accessibility of information and the capital usage effectively; iv) Other groups of factors such as natural conditions, consuming markets, etc. also affect the access to and use of credit capital for households.

To improve access to credit and using credit effectively, mainly solutions and policies should be implemented as followings: i) From the coffee producers: It's necessary to improve accounting and management in the coffee production of the household head, encourage households completing the certificate of land use rights and limiting access to other forms of credit; ii) From the banks: they have to enhance their lending procedures for production households, raise the level of the credit officers, promote their image and brand ; iii) From the Government: The government should promote the implementation of credit policies for agriculture, rural areas and improvement of the relevant procedures for granting land use right certificates, encourage the linkage mode in production, issue the fixed level of coffee for production appropriately, improve the quality of agricultural extension.

## **Recommendations**

### ***For the Government***

Expediently complete the project of restructuring the credit institutions, stabilizing the financial market, creating a favourable environment for business operation of the state-owned commercial banks and coffee producing farmer households; Direct the relevant authorities to thoroughly implement proposed policies to support the coffee industry; Have the specific policies to assist replanting coffee trees such as financial support, completion of the technical process and training for managerial positions; The Government should have a special mechanism for coffee trees in the Central Highlands.



***For the State Bank of Daklak province***

Support for Commercial banks and credit institutions in term of policies of agriculture and rurality, implement specifically the regulations and circulars of State Bank of Vietnam timely; Strengthen the credit management measures in the banking system; Increase the monitoring activities of official commercial banks, support for commercial banks operating in the agricultural and rural sector; Suggest the State Bank of Vietnam to facilitate commercial banks having sufficient capital to provide for the coffee procurement businesses promptly from the beginning of the crop upon the people's request; Combine with relevant agencies such as the court, land survey department, transportation department in the task of debts dealing.

***For local authority of Dak Lak province***

Regularly organize training courses on accounting, technical extension ... for coffee growing households to have the higher production efficiency; Coordinate with cooperatives and departments in finding outlets for coffee products, assist in the sale of products for farmers household; Protection and law enforcement agencies need to accelerate the processing of cases related to the activities of commercial banks; The Department of Housing, Transportation Department, Agricultural Department, and other relevant departments have to carry out sufficiently the proposed regulations, avoid customers taking advantage of apertures for fraud and coordinate the departments with the Commercial banks in the work of risk limitation and debt collection.

## LIST OF RELATED PUBLISHED SCIENCE PROJECTS

7. Phan Thi Minh Ly, Nguyen Thi Hai Yen (2015), *The use of credit capital to coffee growing households in CuMgar district, Dak Lak province*, Journal of Economics and forecasting, 08/2015, ISSN 0866 – 7120.
8. Nguyen Thi Hai Yen (2015), *Credit policy in accordance with the development of the coffee production in Dak Lak province*, Journal of Economics and forecasting, 05/2015, ISSN 0866 – 7120.
9. Nguyen Thi Hai Yen, Phan Thi Minh Ly (2016), *Analysis of the factors affecting the ability to access official loans for coffee growing households in Dak Lak province*, Journal of Science - University of Hue.
10. Duong Minh Ngoc, Nguyen Thi Hai Yen (2015), *Improving credit activities in lending for the coffee production in Dak Lak province*, Journal of Economics and forecasting, 12/2015, ISSN 0866 – 7120.
11. Nguyen Thi Hai Yen (2013), *Limit Risks in lending to the coffee production in Dak Lak branch of the Industrial and Commercial Joint Stock Bank*, The university -based Scientific Research.
12. Nguyen Thi Hai Yen (2015), *the access to bank credit for coffee producing households. The case study at Eaphe commune, Krong Pak district, Dak Lak province*, The university -based Scientific Research.